

THÀNH DUY THỨC LUẬN CHƯƠNG TRUNG XU YẾU

QUYỂN HẠ (PHẦN 1)

QUYỂN 3

Quyển 51 ghi: “Cho đến chưa đoạn, đoạn thì trọn đoạn không còn gì, chứ chẳng phải lìa phước đoạn”.

Giải: Trong xúc có ba đoạn:

1. Nêu lược
2. Biện rộng
3. Phá bác bỏ.

Trong biện rộng có hai phần: Thứ nhất nêu rộng đoạn trước, luận Du-già nói cùng thọ tướng tư v.v.... Thứ hai tổng hợp trái ngược. Trong nêu rộng đoạn trước có hai phần: Trước nêu rộng thể, sau nêu rộng nghiệp tức là đoạn từ “đã tự thuận khởi tâm” trở xuống. Trong nêu rộng thể có hai phần: Trước nêu rộng ba hòa hợp phân biệt biến dị, sau kết nêu rộng khiến tâm tâm sở xúc cảnh làm tánh, tức là đoạn từ “hòa hợp tất cả” trở xuống. Trong phần trước lại có hai phần: Trước giải thích rộng ba hòa hợp, phân biệt biến dị; sau kết hợp Tập luận, tức là căn biến dị lực v.v.... Trong đoạn trước lại có ba phần: một là giải thích ba hòa hợp, hai là giải thích biến dị, ba là giải thích phân biệt. Do ba hòa hợp biến dị đều chẳng phải khả năng của mình, nên nói riêng trước, sau mới giải thích phân biệt.

Trong đây, do tướng khởi ngôn thuyết, vì sao chẳng nói là ngôn ngữ? Nhân là dùng tầm tứ gần, tướng xa. Tư khiến tâm là lấy chánh nhân v.v... Nhân gì nói tín v.v... tức là tự tánh thiện. Trong đây, ba hòa hợp đều có sinh công năng của tâm sở gọi là biến dị. Vô vi không có biến dị. Vì sao có sinh công năng của tâm sở? Nay giải thích, đây căn cứ Hữu vi duyên ba biến dị. Nếu Vô vi duyên tâm hai biến dị, vì Vô vi

không có công năng biến dị. Lại giải thích, y Vô vi có ẩn có hiển phần vị biến dị, vì chẳng đồng Hữu vi thể có biến dị, Vô vi có vị Dị nên gọi là công năng, vì thể không có công năng. Như Thức thứ bảy lấy Thức thứ tám làm căn, lại làm cảnh y, nói xúc là hai hòa hợp.

Trong giải thích nghiệp, trước giải thích tổng văn, đoạn từ “kinh Khởi Tận ghi” trở xuống là dẫn kinh chứng thành. Trong tổng hợp trái ngược có hai đoạn: trước kết hợp với Du-già, sau kết hợp với Tập luận.

Trong giải thích tương ứng: thời, y đồng, sở duyên, sự v.v... nếu đứng về bản chất, hoặc pháp không bản chất, tất cả gọi là đồng duyên một cảnh, cùng sự chẳng đồng. Nếu tương ảnh tượng tương tự gọi là đồng, sự gì một chủng? Trí không phân biệt duyên như không có ảnh, chẳng thể tương tự, chẳng đồng nhất. Nên biết, có bản chất là ảnh tượng gọi là tương tự, anh chất gọi là đồng nhất. Nếu không có bản chất là Hữu vi duyên tương tự gọi là đồng nhất. Vô vi duyên cảnh một gọi là đồng nhất. Đây căn cứ thật duyên nên chẳng trái nhau.

Che lấp tâm có hai:

1. Tâm pháp tánh.
2. Tâm y tha.

Trong so sánh tâm sở, sự thứ nhất chẳng so sánh Dị thực v.v... lẽ ra là tứ, mỗi mỗi chẳng nêu nguyên do vì nghĩa chẳng đồng. Vì sao xúc, tác ý, tư cả ba đều nói ở tâm v.v... thọ, tưởng chẳng như vậy? Thắng nghĩa bất thiện, nghĩa là sinh tử lưu chuyển. Tại sao cùng Vô lậu làm y? Vì nói thiện, nhiễm trái ngược nên lẽ ra chẳng cùng cả hai làm y.

Trong so sánh tâm sở, sự thứ ba nói dùng sáu nghĩa so sánh. Nay quán sát ý vấn hỏi của sự thứ tư, chẳng so sánh liễu biệt cùng thọ đồng thời thì so sánh sáu môn, tuy có vấn hỏi nói xúc cùng xúc đồng thời. Chấp thuận năm pháp đồng thời là so sánh đồng. Ba giải thích đều lấy chỗ chẳng xả tàng của A-la-hán sau, chỉ tâm vương xả tàng, là chẳng phải gọi tâm sở xả tàng là nguyên do. Trước so sánh như vậy, nếu không như vậy tại sao giữa đường so sánh? Đây thì y cứ giải thích một và hai làm chánh và giải thích thứ tư. Trong vấn hỏi có mười đoạn:

1. Tổng nêu các lỗi.
2. Lại vấn hỏi.
3. Vấn hỏi khiến chẳng thọ huân.
4. Mặc tình vấn hỏi thọ huân.
5. Kẻ khác chống chế.
6. Lại vấn hỏi.
7. Họ giải thích.

8. Chánh vận hỏi.

9. Chuyển hỏi.

10. Bày rõ tông.

Trong đoạn thứ tư mặc tình thọ huân có năm đoạn:

1. Mỗi mỗi thành lỗi sáu thể.

2. Lỗi nhiều nhân một quả.

3. Lỗi năm thứ vô dụng.

4. Lỗi thế lực v.v... chẳng phải thứ lớp.

5. Lỗi chóng sinh sáu giả.

Lại, “chỗ kia nói” là chuyển hỏi. “Do đây v.v...” là bày rõ tông.

Ba dụ trong Hằng chuyển gồm:

1. Dù chìm nổi giữa hai nẻo.

2. Dụ gặp duyên nổi sóng.

3. Dụ trôi chảy vật trong ngoài, chẳng phải Phật, làm sao có thể dừng.

Có bốn Tát-bà-đa, trong đây có bốn thứ: Loại, tướng, vị, đấng đi. Thứ ba y cứ tác dụng lập thế gian là tối thiện, như luận Câu-xá quyển 20 giải thích.

Trong phá nghĩa nhân quả v.v... của sư Thượng tọa có hai đoạn: Một là thuật tông, hai là chánh phá. Trong thuật tông có ba đoạn: một là nêu chung, hai là nêu riêng, ba là tổng kết, tức là đoạn từ “nhân quả như vậy v.v...” trở xuống.

Trong nêu riêng có ba đoạn:

1. Nêu cực mau để nói rõ về thời.

2. Nêu một thể mà thành hai.

3. Nêu hai thể mà làm rõ đều có.

Trong chánh phá có bảy đoạn:

1. Tổng nêu các lỗi mà khởi trưng bày.

2. Hiển trái nhau mà phá thế gian.

3. Định có không mà phát hỏi.

4. Mặc tình diệt có mà hỏi vận.

5. Thuật trái nhau mà thể là một.

6. Theo một và khác mà lý trái nhau.

7. Tổng kết bày ý vận hỏi.

Bát-nhã hủy Bồ-tát chẳng khiến vào diệt định, Du-già nói bốn người chẳng thành Lại-da, Bất thoái cũng vào, há chẳng trái nhau? Thuận trong ba thuyết đây, Địa thứ tám chẳng vào. Sư thứ nhất lấy đây làm thể, nên chẳng thừa nhận lấy ngay đến Địa thứ tám, vì là chỗ Phật quả trách,

nên xa hợp gọi là Bất thoái. Thứ hai nói rõ ngay đến gọi là Bất thoái, tức có hai nghĩa: Một nói là Du-già làm chánh, Phật quả trách đấm ngoan không, không có lợi ích thù thắng, chẳng phải họ chẳng thể nhập. Lại giải thích kinh là chánh, Du-già y cứ Bất thoái là đứng về thành thực mà nói, trước đã từng vào, sao quả trách nên chẳng vào? Do tự tại nên cũng nói Bất thoái vào định, kỳ thật là chẳng vào.

Xét những tên gọi như Bồ-tát địa, hạnh nhỏ, hạnh lớn, hạnh rộng v.v... kinh Giải Thâm Mật quyển 3, luận Du-già quyển 78 ghi: “Bồ-tát Quán Tự Tại thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Các vị Bồ-tát ở trong các Địa phát sinh phiền não, phải biết là tướng gì, lỗi gì, đức gì?

- Nay thiện nam! Tướng không nhiễm ô. Tại sao? Các vị Bồ-tát ở trong Sơ địa, thật đối với tất cả các pháp, pháp giới đã khéo thông đạt. Do nhân duyên này, Bồ-tát cần biết mới khởi phiền não, chẳng phải là chẳng biết, cho nên gọi là tướng không nhiễm ô, ở trong tự thân chẳng hay sinh khổ, nên không lỗi lầm. Bồ-tát sinh khởi phiền não như vậy, ở hữu tình giới khéo đoạn nhân khổ, cho nên Bồ-tát đó có vô lượng công đức rất kỳ đặc.

- Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-đề vô thượng mới có công đức lợi lớn như vậy, khiến các Bồ-tát sinh khởi phiền não, còn hơn tất cả thiện căn của hữu tình Thanh văn Độc giác, huống gì là vô lượng công đức khác, làm sao tâm thông các vị thì nói tùy nghĩa nên nói, Dị thực cũng thông các vị chẳng nói tùy nghĩa, đã riêng nói xả, sao phải nói lại?”

Theo luận Vô Tướng và kinh Đồng Tánh thì thức vô cấu là tự tánh tâm thức thì lý Chân như, nên biết vô cấu thông cả hai thứ. Nhưng bản thức có mười tám tên. Bài tụng ghi:

Không mất, bản, trạch, tạng

Chủng, vô cấu, trì, duyên

Hiện, hiện, chuyển, tâm, y

Dị, thức, bản, sinh, hữu.

“Cõi Vô tử đến nay, tất cả pháp thấy y, do đây có các nẻo, và Niết-bàn chứng đắc”, luận Vô Tướng và Nhiếp Đại Thừa ghi: Cõi Vô tử đến nay là hiển bày thức tánh đây ở khoảng đầu tiên là không. Cõi là nhân thì chủng tử thức là nhân chủng của ai? Nghĩa là tất cả pháp sở y khéo nhậm trì vậy, chẳng phải nhân tánh. Nghĩa năng nhậm trì là nghĩa sở y, chẳng phải nghĩa nhân tánh. Sở y, năng y, tánh đều khác nhau, nếu không như vậy là giới, tiếng đã rõ sao mượn lời khác? Ý hai câu đây, cõi Vô tử đến nay là hiển tánh thức đây không có câu “khoảng đầu tiên

thông”. Cõi của tất cả pháp, nghĩa là cũng lấy pháp Hữu lậu làm nhân duyên, cùng Vô lậu pháp v.v... làm sở y. Do tất cả pháp giới, nên có các nẻo, do đấng làm sở y, có Niết-bàn chứng đắc, có chút phần tương tự với Duy Thức quyển 2 nhưng hơi sai biệt, như vẫn có thể biết.

Trong phần do nhiếp tàng tất cả chủng tử thức của các pháp có ba giải thích:

1. Trong đây chỉ nêu năng tàng gọi là A-lại-da, chẳng phải là nghĩa tàng đầy đủ, vì đối xứng tánh làm rõ năng tàng vậy.

2. Ba tàng trong đây tất cả đều đủ, nêu năng nhiếp tàng hiển bày tánh sở tàng, chủng tử tạp nhiễm hỗ tương làm duyên. Do đây trì năng chấp bên trong làm ngã thì là nghĩa chấp tàng nên đủ ba tàng.

Hai giải thích trên đây trong luận thể văn trường hàng có nói.

3. Căn cứ thật Lại-da chỉ lấy chấp tàng, nay căn cứ năng tàng có đại tự tại tự thường và một. Riêng tự ở ngã, hiển làm nghĩa sở chấp tàng của ngã ái, ý muốn dùng sở chấp tàng nên gọi là A-lại-da. Nếu lấy năng tàng giải thích A-lại-da thì Phật quả xứng với tên gọi này, nếu dùng nghĩa năng tàng sở tàng để giải thích thì hàng Nhị thừa vô học, Địa thứ tám trở đi nên được tên đây, nên chỉ có chấp tàng gọi là A-lại-da, thiếu thì liền thành lỗi. Nay nêu năng tàng để nói rõ tàng tạp nhiễm. Phật chỉ có một năng tàng. Hàng Nhị thừa vô học, Địa thứ tám trở lên có cả năng tàng sở tàng, ngoài ra thì đều có đủ ba tàng, nên lấy chấp tàng gọi là A-lại-da.

Trong phần “Ta chỉ khai mở cho người thù thắng”, luận văn chỉ y cứ cứu cánh chứng quả mà nói nên lập chánh danh, chánh danh cũng thông cả hàng Địa tiền v.v.... Bất định tánh đúng lý cũng ở trong đó. Địa thượng, Địa tiền tùy ứng mà nhiếp. Quyết định Nhị thừa sinh cõi Vô sắc tin có Thức thứ tám vào được diệt định, rõ ràng cũng vì nói, nhưng chẳng phải chánh, cứu cánh chẳng thể đắc quả lớn, trong đây chọn lựa đó.

“Ta đối với phàm phu chẳng vì chỉ bày”, Vô Tánh giải thích: Hàng chấp ngã kiến, chẳng vì họ chỉ bày, sợ họ phân biệt kế chấp làm ngã, đâu thể chấp nhận phân biệt kế chấp kia, tận cùng khoảng sinh tử, hành tướng một loại không cải chuyển. Vì hiển bày Nhị thừa định tánh phàm phu, kiến của Câu sinh chưa trừ, chẳng được vì họ nói, sợ tăng thêm phân biệt kiến, chẳng phải hàng đắc Thánh nên chẳng vì họ nói. Nay vặn hỏi nếu vì phàm phu có Câu sinh kiến chẳng vì họ nói, hàng Nhị thừa đã đoạn cũng nên vì họ nói. Nếu vì hàng chẳng ngu pháp nói, thì phàm phu định tánh cũng có chẳng ngu, tại sao chẳng nói? Nên biết

chẳng vì phạm phu chánh nói, Vô Tánh tuy nói hàng chấp ngã kiến chẳng vì chỉ bày là chẳng phải lời nói tận lý. Lại, luận đây nói chướng sinh Thánh đạo, phạm quyết định tánh có thể vậy, đồng với Vô Tánh, chẳng phải thân bậc Thánh lại chướng Thánh đạo. Lại, tuy bậc Thánh Nhị thừa chẳng vì họ nói là phần nhiều chẳng ngu pháp vậy, chẳng phải đồng với Di sinh. Ý đây chẳng vì chánh nói, chẳng phải nói chung.

“Thành Đại thừa là trong lời Phật nói” luận có mười lượng, trong bốn cặp trước, lại thêm chữ “lạc Đại thừa thừa nhận”, chọn lựa tùy một chẳng thành. Dùng chí giáo nhiếp làm tông nên thành bốn nhân. Trong bảy nhân chứng, trong phần “trước chẳng thọ ký” lại có ba lượng: một, nếu Đại thừa là trụ trong tự pháp là rộng hoại chánh pháp, nói Phật nên trước dự ghi trí Vô công dụng Phật hằng có, như Diệt Pháp Sự giải thích. Lại, hằng chánh cần giữ chánh pháp, lại biết vị lai trí không chướng ngại. Lại có một lượng nói là: Hữu pháp như trước, pháp nói là Phật nên trước phân biệt dự ghi riêng, thời sau hoại chánh pháp là sở khởi v.v... vậy, như Chánh Pháp Diệt Sự giải thích, và giáo pháp lừa dối lột sự tử có bảy tỷ lượng. Luận Hiển Dương quyển 20 dùng mười nhân nói ngôn giáo Đại thừa là điều Phật nói:

1. Trước chẳng khởi, tức nhân đầu tiên ở đây.
2. Nay chẳng thể biết, tức nhân thứ hai ở đây.
3. Có nhiều chỗ làm.
4. Cực trọng chướng là chỗ không có trong đây.
5. Chẳng phải cảnh tâm tư vậy, tức nhân thứ ba ở đây.
6. Chứng đại giác, tức “nếu có nhân Đại thừa” trong nhân thứ năm.
7. Không có lỗi của Thừa thứ ba.
8. Đây nếu không có nên không có Nhất thiết trí, tức “không có nhân Đại thừa” trong nhân thứ năm.
9. Có đối trị tức nhân thứ sáu.
10. Chẳng nên như nói lấy ý, tức nhân thứ bảy.

Trong bảy nhân đây, mỗi mỗi lại lấy Tư để làm tỷ lượng. Các sư Thượng tọa bộ lập chín tâm luận:

1. Hữu phần.
2. Năng dẫn phát.
3. Kiến.
4. Đẳng tầm cầu.
5. Đẳng quán triệt.
6. An lập.

7. Thế dụng.
8. Phản duyên.
9. Hữu phần.

Nhưng thật chỉ có tám tâm, vì bao quát mà nói tổng có chín, nên thành chín tâm luân. Vả lại, như mới đầu lúc thọ sinh chưa thể phân biệt, tâm chỉ nhập vận duyên ở cảnh gọi là tâm hữu phần. Nếu lúc có cảnh đến tâm muốn duyên bèn sinh cảnh giác, gọi là năng dẫn phát. Tâm đó đã ở trên cảnh đây chuyển kiến chiếu soi nó. Đã thấy nó rồi, bèn đồng tầm cầu xét thiện ác đó. Đã xét nó rồi, bèn đồng quán triệt nhận thức thiện ác đó mà an lập tâm, khởi nói phân biệt nói thiện ác đó, tùy thiện ác đó bèn có tác động dụng tâm sinh. Động tác đã dấy khởi sắp muốn ngừng phước bèn lại phản duyên việc chỗ làm trước. Đã phản duyên rồi bèn trở về hữu phần nhập vận duyên cảnh, gọi là chín tâm, mới thành nghĩa luân. Trong đó, tâm kiến thông nơi sáu thức. Ngoài ra, chỉ ý thức. Tâm hữu phần thông sinh tử, tâm phản duyên chỉ được tử. Nếu người lìa dục chết thì tâm hữu phần. Đã không ngã ái, không chỗ phản duyên chẳng sinh lưu luyến. Người chưa lìa dục vì tâm phản duyên mà chết, có luyến ái. Nếu có cảnh đến thì tâm có thể sinh. Nếu không cảnh khác, luôn làm hữu phần, nhập vận tương tục. Nhưng, kiến và tầm cầu trước sau chẳng định. Luận Vô Tánh và Nhiếp Đại Thừa quyển 2 ghi: “Năm thức đối với pháp không chỗ rõ biết, trước nói tâm kiến. Lại nói, kiến chỉ chiếu soi tức tổng kết tâm trước.

Ngũ dục chẳng phải xứ đấm chấp là, sinh hai cõi trên cũng khởi ngã thức.

Trong chứng thứ nhất, tâm tập khởi là giải thích lại chỗ tập chủng. Chỗ khởi sinh pháp, nhân nên gọi là tâm.

Trong phá sắc chẳng tương ứng và tâm sở, cũng nên có chẳng phải chỗ tâm tập khởi chủng nhiễm tịnh, vì lược nên không nói. Chấp thuận loại là giả chẳng năng trì thật chủng pháp bên trong. Quyển 1 trước nói, như dê đường v.v... giả ngăn nước thật, ở đây vì sao chẳng vậy? Tạm dứt diệt ngăn giả định có thể vậy. Rốt ráo trọn trì ở lý chưa thể. Nếu vậy, thân Phật, giới biệt giải thích thoát v.v... cũng rốt ráo ngăn. Nghĩa gì chẳng đồng? Ngăn là nghĩa dứt, có thể giả ngăn thật. Trì là nghĩa giữ gìn nên giả chẳng trì.

Phá Tợ tỷ lượng của luận sư Thanh Biện, tông có một phần sở biệt chẳng thành. Trung Đạo thắng nghĩa trong luận cũng có lỗi của một phần trái ngược tông, chẳng thành như trong số giải thích. Đồng dụ như huyễn là, y Tục đế, như huyễn có hai trưng bày: một là thật sự như

huyễn, chẳng phải duyên sinh nên năng lập chẳng thành; hai là tự sự như huyễn, tông đây chẳng phải không lập nên chẳng thành, y Thắng nghĩa đế. Tất cả pháp hai tông đây kia đều chẳng thể nói, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải duyên sinh, chẳng phải phi duyên sinh, đâu thể dùng hoa đốm hư không v.v... làm dụ được? Đồng dụ cũng có lỗi câu bất thành gọi là Tự tỷ lượng.

Trong Chứng thứ hai, thân khí lìa tâm chẳng phải có thì nghiệp quả chứng thứ năm trong tám Chứng.

Trong thú sinh, nói năm nẻo là luận Phật Địa ghi: “Vì A-tổ-lạc nhiều đối trá nên nói là phi thiên”. Có trong các kinh mở làm sáu nẻo, thật thì cõi trời nên năm nẻo các kinh khác cũng nói cùng thuộc nẻo quý, vì tùy thuận lý, hoặc luận Phật Địa đứng về nghĩa nhiều phần, thật thông hai nẻo, như Pháp Hoa sao quyển 1.

Khởi không có tạp là giới địa có thể vậy, như năm thú bốn loài ở Dục giới. Tại sao? Phiền não, nghiệp, quả định thuộc nẻo đây sinh, mà nói khởi tạp, như chuyển trọng khiến khinh, cũng có quả nẻo ác thọ trong loài người và sáu cõi trời. Người trời cũng khởi phân biệt phiền não v.v... cũng có nẻo ác thọ quả thiện nghiệp biệt báo, như rồng voi ngựa v.v... quý có phước đức v.v... ở trong trời người, đều không nhất định thuộc, nay nói khởi các thứ khác có thể gọi là tạp luận. Nay giải thích chẳng như vậy, kia không nhất định thuộc, chỉ Thức thứ tám nẻo sinh nhất định chẳng thể chuyển thọ, chuyển thọ chỉ là biệt báo, nên các thứ khác gọi là tạp, chẳng biết nẻo nào sinh loại nào, nên nếu khởi đó bèn gọi là tạp. Thức thứ tám không như vậy, nên gọi là không có tạp.

Sinh đắc thiện và ý thức nghiệp quả khởi không có tạp là như sinh đắc thiện, tuy Dục giới đây cũng có định thuộc, thú sinh gọi là không tạp thì không như vậy, chỉ ý nghiệp quả không tạp, đây là tên cùng theo, chẳng phải thật không tạp, giải thích đây là chánh, thông năm nẻo được quả. Ý Dị thực là sư đây chẳng thừa nhận các thú chuyển thọ, chỉ bản xứ, hoặc nhiều phần, cũng có thật Dị thực nương Dị thực chuyển thọ. Nghiệp quả trong ý là văn của Bồ-tát Hộ Pháp, sinh đắc thiện là nghĩa của các sư khác, hợp đó lại một xứ, nhưng chẳng phải chuẩn đúng. Thật chỉ có Dị thực và tâm sở kia gọi là chánh thú sinh, hỏi: Thể của thú sinh là một hay là nhiều? Nếu là một, y sáu biệt thật tâm và tâm sở để lập chung là một, như bình, bồn v.v... thú sinh nên giả. Nếu thừa nhận giả là trái với văn trên. Nếu thật một, tại sao y nhiều thật pháp mà lập thể một thật ư? Nếu là nhiều, nên như một người, sáu người riêng nẻo, chỗ sáu loài nhiếp, nên là lỗi lớn. Nghĩa này nên tư duy. Thú sinh là giả các

sư Kinh bộ vạn hỏi, y sáu căn lập mạng căn, mạng căn nên là thú sinh, tổng thành một giả, cốt yếu y thật pháp mới có thể kiến lập, chẳng trái với trên, sở y lập. Giải thích sau là chánh. Hoặc chỉ tâm vương là thể thú sinh, tâm sở cùng theo thật chẳng phải thú sinh, nên chỉ là một. Hoặc đồng tại một tụ đều nói không lỗi, là thật, chẳng phải giả, nên xét giả thật trong Du-già. Chánh thật thú sinh là chánh, là nghĩa bản thức, vì thú sinh là bản, ngoài ra năm uẩn Biệt báo y cùng theo đây mà gọi là thú sinh, không như vậy nên là tạp loạn, một nẻo khởi nẻo khác. Trong đây chỉ lấy chánh cảm chổ nghiệp sau chiêu thức v.v... làm thể thú sinh.

Át trụ tán tâm, chẳng phải không tâm và định thì Tiểu thừa và Đại thừa cùng đồng, kinh Ma-ha-ma-da nói Phật vào diệt định mới vào Niết-bàn, đồng với Du-già quyển 80. Văn trong đây hoặc phân sáu đoạn: một là phá Kinh bộ, như ngữ không mộng, chuyển thức không vậy, các bộ khác chẳng như vậy; hai là phá Tát-bà-đa v.v...; ba là hiển chân Dị thực. Ba đoạn còn lại như văn tự nêu bày.

Trong thọ sinh mạng chung, hành tướng sở duyên của sáu thứ chuyển thức có hẳn có thể biết, Tát-bà-đa v.v... nói có hành tướng ý thức có thể biết, nên nay vạn hỏi đó là: Như có thể biết, nên như các vị khác phân minh có thể biết, đã chẳng phân biệt, rõ ràng chẳng phải ý thức.

Danh sắc hỗ tương làm duyên, như Tâm Kinh Tán giải thích.

Át-bộ-đàm, Hán dịch là Mọt nước, vì tạm đông đặc như mọt nhọt. Bế hộ là ngưng kết, luận kia gọi là Nhiệt huyết, cũng nói là Bế hộ. Kiện nam, Hán dịch là Sâu dày, vì tạm ngưng sâu dày, đồng kinh Ngũ Vương. Bát-la-xà-khư tức là Cự căn, tức ba mươi lăm ngày.

QUYỂN 4

* Phần cuối bốn thực chứng ghi: “Nói là hữu tình nương ăn uống mà sống là đều nương vào thị hiện. Phẩm Phá Như Lai trong luận Trung Quán ghi: “Như Lai là cũng gọi là chúng sinh”. Lại, luận Đại Trí Độ quyển 30 ghi: “Ở trong loài chúng sinh hai chân, bốn chân v.v... rất là tôn thắng, nói là hữu tình đều là thị hiện”. Lại nói: “Tôn quý trong chúng sinh, thân Phật sao hẳn là chúng sinh, vào thành khát thực v.v... đều gọi là nương ăn uống mà sống, cũng thị hiện”. Luận Đối Pháp quyển 5 ghi:

1. Bất tịnh y chỉ trụ thực, nghĩa là Dị sinh ở Dục giới, do đủ thứ trói buộc.

2. Tịnh bất tịnh y chỉ trụ thực, nghĩa là Hữu học và Sắc, Vô sắc giới các loài dị sinh trong đó có các sự trói buộc khác.

3. Thanh tịnh y chỉ trụ thực, nghĩa là A-la-hán v.v... giải thích thoát tất cả trói buộc.

4. Thị hiện y chỉ trụ thực, nghĩa là chư Phật và các Bồ-tát đã chứng uy đức lớn.

Do chỉ thị hiện thực lực trụ, Nhiếp luận quyển 10 cũng đồng, chỉ thị hiện thực, chỉ nói là Phật, Thế Tôn thật chẳng thọ thực cũng chẳng mượn ăn uống. Luận kia đứng về bốn cách ăn làm luận nên chẳng nói Bồ-tát. Dị thực thức thực kia chẳng phải thị hiện, nên luận Đối Pháp y cứ ba cách ăn mà làm luận. Hằng Vô lậu đồng thời thật không ba cách ăn, nên xưng là thị hiện, thật chẳng trái nhau. Lại, luận đây y cứ Bồ-tát từ Địa thứ tám trở đi thật là hữu tình chẳng phải là thị hiện, tuy hiện ba cách ăn cũng chẳng nói đó. Phật thị hiện hữu tình nên không chẳng làm so sánh, hoặc nghiêng về y đoạn thực. Địa thứ tám đã qua thật chẳng đợi tư lương.

Hỏi: Vì sao trong bốn cách ăn, một vào trường dưỡng, còn ba kia chẳng phải. Bốn thứ trường dưỡng, ba chẳng phải thực ư? Du-già tự giải thích vắn hỏi sau, vắn hỏi trước như thế nào?

Trong diệt định, luận Thành Nghiệp ghi: Tâm có hai thứ:

1. Tâm tập khởi, nơi vô lượng chủng tử tập khởi.

2. Tâm chủng chủng, hành tướng sở duyên sai biệt chuyển.

Vị diệt định v.v... khuyết tâm thứ hai, nên gọi là không tâm, như ngựa bốn chân khuyết một nên cũng gọi là không chân, nghĩa là hành tướng nhân thức v.v... thô động khởi hẳn lao lự v.v... là theo thông nghĩa của ba Thừa, căn cứ thật Bồ-tát địa thứ tám đã qua, không tâm Hữu lậu,

sao hẳn phải lao lự?

Phá Tát-bà-đa, trong phần Diệt định thức chẳng lìa thân có hai đoạn: Trước nêu kế chấp, sau chánh phá. Trong phá có năm đoạn:

1. Vấn hỏi như tướng khởi diệt.
2. Vấn hỏi thọ chẳng lìa thân.
3. Vấn hỏi lẽ ra chẳng phải hữu tình.
4. Vấn hỏi căn thọ không trì.
5. Vấn hỏi kinh nói không thuộc.

Tát-bà-đa ghi: Thọ tướng trước nghiêng về nhằm chán. Tâm hành nói là không có, Thức thể chẳng phải tâm hành, Diệt định nên nói có. Nếu vậy, vấn hỏi: Thức thể chẳng phải tâm hành, diệt định thật không mà nói có. Thọ v.v... chẳng phải tâm hành. Trong định thật không mà nói có. Nên luận ghi: Thọ, noãn, các căn lẽ ra cũng như thức, bèn thành lỗi lớn.

Trong phá bản kế của Kinh bộ có hai đoạn: Trước nêu bốn vấn hỏi, sau tổng kết. Bốn vấn hỏi là:

1. Không nhân quả chẳng sinh.
2. Không thể chẳng phải nghĩa nhân.
3. Các thứ khác chẳng phải thọ huân v.v...
4. Do lượng thành có thức.

Thứ hai, do lý đây hướng đến sau kết.

Bảy đoạn phá trong tâm sở. Đoạn thứ tư phá chống chế có tám đoạn:

1. Do nói đồng tâm hành.
2. Thảm định biến chẳng phải pháp biến hành để khởi vấn hỏi sau. Trong đây có ba: một là tổng nêu, hai là hiển tùy có không, ba kết chánh.

3. Vấn hỏi tư như thọ tướng cũng nên đồng diệt.
4. Vấn hỏi tín v.v... cũng không có.
5. Thọ tướng sánh như tư nên có.
6. So sánh xúc nên có.
7. Thọ so sánh nên như vậy.
8. Tướng so sánh đồng đây.

Đoạn thứ bảy, trong phá có năm phần:

1. Tổng chống chế lỗi.
2. Dẫn kinh phá so sánh.
3. Kết thành nghĩa.
4. So sánh có thọ tướng.

5. Lỗi trái với giáo.

Vạn hỏi không trong tâm sở có năm hỏi đáp. Trong vạn hỏi thứ nhất có bảy đoạn:

1. Vạn hỏi tâm đồng sở không.
2. Vạn hỏi pháp tùy biến hành diệt.
3. Vạn hỏi thọ chẳng phải đại địa.
4. Vạn hỏi thức chẳng phải tương ưng.
5. Vạn hỏi lẽ ra không y duyên.
6. Vạn hỏi như kinh có xúc.
7. Vạn hỏi thọ v.v... hẳn chung cùng.

Vạn hỏi tâm diệt định nhiễm Vô ký là các nhiễm khác tâm Vô ký hẳn có tâm sở, tâm trong đây hẳn có tâm sở, là tông, thêm đó diệt định vị tâm, văn ngôn mới đủ, chẳng như vậy thì có lỗi tương phù cực thành, vì tâm nhiễm Vô ký là nhân, như các nhiễm khác tâm Vô ký là dụ. Nhân không có chữ “cho nên”, dụ thiếu chữ “như”, các thứ khác đều đủ văn, hãy đọc lấy nghĩa.

Trong Chứng thứ mười lấy tâm làm gốc. Câu chung của các bộ, pháp Hữu vi, Vô vi, nhiễm tịnh đều lấy tâm làm gốc. Tát-bà-đa v.v... cho là Vô vi do tâm hiển, Hữu vi do tâm nên khởi. Do tâm khởi pháp nhiễm tịnh lực dụng rất thắng mạnh, nên nói là gốc. Do đây, kinh ghi: “Nếu tâm nhiễm tịnh thì hữu tình nhiễm tịnh”, ý các sư Kinh bộ tuy cũng như vậy, nhưng tâm thọ huân ưu thắng so với căn v.v... vì khắp cùng các cõi nên nói tâm là gốc. Tuy câu chung của Hữu vi và câu riêng của Vô vi nhân tâm mà sinh, nghĩa là sắc, chẳng tương ưng do tâm làm đồng loại, câu hữu, Dị thực nhân v.v... mới bắt đầu sinh. Các pháp tâm sở, lý tuy cũng vậy, thân gần nơi tâm, y tâm mới trụ. Hai câu trên đây riêng đối Tát-bà-đa. Hai câu dưới đối Kinh bộ, như văn có thể rõ. Trong sơ chỉ thuật bốn giải thích của Đại thừa, trong đây tổng giải thích, nhưng quán xét ý của văn sau thấy đều phá bộ kia nên nêu giải thích này.

Nghiệp quả giới địa qua lại sau khởi lẽ ra không có nhân. Nhiếp luận quyển 3 ghi: “Nếu có ở đây chẳng phải thấy đồng dẫn địa lúc mất rồi sinh, y trong có vị ý khởi ý thức nhiễm ô kết sinh tương tục, ý thức nhiễm ô này đối với diệt trong Trung hữu. Ở trong bào thai mẹ thức Yết-la-lam lại cùng hòa hợp. Nếu vậy thì ý thức cùng hòa hợp sau đã hòa hợp rồi y chỉ thức này, ở trong bào thai mẹ có ý thức chuyển. Nếu vậy, tức nên có hai ý thức ở trong bào thai mẹ đồng thời mà chuyển, cho đến nói rộng.

Thời phần cách biệt không có duyên là đối Tát-bà-đa, vì sắc trong

thức vị là Di thực, gọi là hành duyên thức:

1. Thời kiếp số xa vời.
2. Trái cách, vốn không có quả thức có thể gọi là chi thức.

Vì sao gọi là cảm sắc trong thức vị? Các sư Kinh bộ ở đời vị lai không có mà nói cảm là thời phần vời xa, thời lâu cách tuyệt. Thế nào gọi là cảm? Lại nếu nói cảm gọi là sắc vị, thức gọi là duyên, thì cách thức chi, nên nói cùng danh sắc làm duyên, chẳng phải cùng thức làm duyên.

Mười Chứng nhiếp tám Chứng là Di thực thứ hai đây là thứ sáu kia. Chấp thọ thứ tư đây là chấp thọ thứ nhất kia. Tâm sinh tử thứ sáu đây là mạng chung thứ tám kia. Diệt định thứ chín đây là diệt định thứ bảy kia, trì chủng thứ mười đây là chủng tử thứ tư kia.

Trong Năng biến thứ nhất, tại sao tâm sở thứ tám sánh đồng tâm vương nói cũng như vậy? Năng biến thứ hai, thứ ba chỉ nêu tương ứng chẳng nói sánh đồng? Sở đây lẫn lộn với kia nên ở đoạn thứ bảy chỉ lập tên ý v.v..., tại sao Thức thứ sáu chẳng chỉ gọi ý, Thức thứ bảy cũng là thức vậy? Thứ bảy trì nghiệp, hai nghĩa để nói rõ thể của thức. Thứ sáu y chủ, lấy tha để rõ tự, nếu thứ sáu nêu một ý chẳng nói thức là chẳng khéo hiển tự. Thứ bảy thêm thức sợ lạm y chủ, nên thứ bảy chỉ nêu tên ý, sợ đây lạm kia. Thứ sáu thêm thức, hiển y tha nên được tên.

Vì sao trong bốn duyên, thứ ba gọi là sở y? Sở duyên duyên thể chẳng gọi là sở y. Thắng, gọi là y, thể cùng thân gần, sở duyên duyên xa cho nên chẳng lập, nhân thì có thể vậy, nghĩa y thì chẳng phải. Chỉ có trong y, thứ hai là nghĩa của luận sư An Tuệ, Kiến phần Tướng phần kia tuy là sở chấp, thể tánh đều không có, cũng có tướng của tự sắc, như chỗ mộng thấy. Thời nay núi sông tất cả đều vậy, nên có tạng thức chỗ biến căn cảnh làm duyên sở y nên không có lỗi.

Trong y và sở y khác nhau, sở y đủ bốn nghĩa, thân căn mong bốn thức, khuyết ở nghĩa nào mà chẳng phải sở y? Có nghĩa giải thích là không có nghĩa quyết định, vì y thân dưới khởi nhân trên v.v.... Đây cũng chẳng phải như vậy, năm thức dưới cùng khởi ý thức trên, nên chẳng phải năm y, cũng bất định. Lại, có giải thích thiếu nghĩa có cảnh. Phạm lập có cảnh là hẩn căn đồng phần khởi dụng có cảnh, căn đồng phần kia chẳng phải là sở y, chỉ là y nhiếp do thân căn đây hẩn không cùng bốn đồng phần có cảnh. Giả sử tự thân thức chưa hẩn cùng khởi làm bốn thức y, do nói y dụng gọi là có cảnh chẳng phải y thể, đây cũng chẳng phải như vậy. Văn luận sau nói, tuy có Sắc giới cũng y sắc căn mà chẳng nhất định có, chẳng phải thuộc về sở y. Nếu thừa nhận y dụng

để gọi là có cảnh, năm căn ở tám khởi thức chẳng khởi đều gọi là có cảnh. Vì y thể nói, chẳng trừ có cảnh, chỉ không có quyết định. Nếu y dụng nói cũng nên nói là không nghĩa có cảnh, chẳng phải tất cả thời hằng khởi thức. Hoặc thức thứ bảy, thứ tám chẳng phải Thức thứ năm, thứ sáu nhất định đồng phần. Do đây nay giải thích có nghĩa riêng đó, phạm chỗ nương gá đều gọi là y. Đủ bốn nghĩa là tối thắng trong y lập làm sở y, yếu kém thì chẳng lập.

Trong đủ quyết định, sao gọi là quyết định? Chẳng phải nhất định cùng có gọi là quyết định. Quyết định có bốn:

1. Thuận lấy sở duyên quyết định, phần sau gọi là đồng cảnh.
2. Minh liễu sở duyên quyết định, phần sau gọi là phân biệt.
3. Phân vị sai biệt quyết định, phần sau gọi là nhiễm tịnh.
4. Năng khởi làm y quyết định, phần sau gọi là căn bản.

Có cảnh đó là chủ cũng mỗi mỗi có bốn. Bốn quyết định này có cảnh, là chủ, cũng tùy có một thứ, tức là quyết định, có cảnh, là chủ. Năm căn ở năm thức, có thuận lấy sở duyên quyết định, có cảnh, là chủ. Ý thức ở năm thức, có minh liễu sở duyên quyết định, có cảnh, là chủ. Thứ bảy ở năm thức có phân vị sai biệt quyết định, có cảnh, là chủ. Thứ tám ở năm thức có năng khởi làm y quyết định, có cảnh, là chủ, nên năm thức đây đủ bốn sở y. Năm căn khéo thuận năm thức lấy sở duyên. Ý thức khéo hỗ trợ năm minh liễu sở duyên vậy, nghĩa nói minh liễu cảnh của phân biệt, chẳng như vậy, định tâm nên chẳng phải năm y. Bảy thức khéo khiến năm phần vị riêng biệt. Lúc Thức thứ bảy rốt ráo thành Vô lậu, năm định Vô lậu, chẳng như vậy, Hữu lậu nhân Thức thứ bảy tuy chuyển, chẳng phải rốt ráo. Thứ tám ở năm chủng tử hay khởi hiện hành làm y. Gồm nói thứ tám là năng khởi y, chuẩn cứ chứng đây v.v... nên biết tùy đủ thì được tên kia. Nếu quyết định, có cảnh, là chủ, duy chỉ một thứ chẳng thông bốn thì lẽ ra năm thức không bốn thứ căn, do nghĩa đây nói. Thức thứ bảy đối với Thức thứ sáu và Thức thứ tám chỉ có phân vị sai biệt quyết định, có cảnh, là chủ. Thức thứ tám đối với Thức thứ sáu và thứ bảy chỉ có năng khởi làm y quyết định, có cảnh, là chủ, nghĩa bốn y sau đều thông ba trước. Bản ý của luận tùy ứng số nêu ra. Thể của sở y đã đủ ba nghĩa, khiến quả sở sinh thủ sở duyên của chính mình. Bốn nghĩa đây ưu thắng đều tùy năng trong ba có thể đủ tức gọi là sở y, ngoài ra là chẳng lập. Ở quả sở sinh chẳng phải thù thắng. Vả lại, năm căn trong sắc uẩn mong năm thức khác và Thức thứ sáu, bảy, tám. Năm trần, pháp xứ, sắc mong tất cả thức. Bất tương ưng hành và Vô vi mong tất cả thức, chẳng phải chủng tử thức mong tất cả

thức đều chẳng đủ ba, không trước tùy ứng nghĩa trong ba, nghiên cứu kỹ đều không có. Tất cả tâm sở tùy mong thức nào? Chỉ có quyết định, có cảnh, bốn thứ tùy ứng có thể đủ chỉ không có là chủ. Các chủng tử đó mong tự thức đó, có thể có phần vị sai biệt quyết định, vì chủ hai nghĩa, chỉ không có cảnh. Năm thức trước đó tự hỗ tương mong nhau và mong Thức thứ sáu, bảy, tám. Và Thức thứ sáu mong thứ bảy, thứ tám, tất cả đều không, không có bốn nghĩa trong ba tùy chỗ ứng. Ngoài ra, tâm, tâm sở tất cả hiện hành, sắc, bất tương ứng mong các chủng tử tất cả đều không có. Các pháp tâm sở mong chủng tử của chính nó, thiếu không có làm chủ. Do có phần vị sai biệt quyết định, có cảnh, nhiễm, tịnh đồng. Thế là bề tôi nên không làm chủ, cũng không khiến quả lấy chỗ tự duyên. Có thể có nghĩa phần vị sai biệt quyết định, có cảnh, làm chủ. Trong đó, đủ khuyết tùy nghĩa nên biết. Đã lược sơ điệp, sau đọc nên xốt, nhưng trong văn dưới, năm căn mong thứ tam. Chỉ trừ định có, chẳng trừ các thứ khác là: Nêu chỗ không đầu sánh không sau vậy, chỉ nêu không một thì chẳng thành sở y, đâu cần thuật đủ.

Thức chủng không thể hiện lấy tự cảnh có thể có nghĩa y, trong sơ có hai nghĩa: Một là thức chủng của sư trước thừa nhận y bản thức. Bản thức đủ ba nghĩa, có thể cùng chủng làm sở y. Chủng quả không thể hiện lấy tự cảnh, quả không tự sở duyên. Dị thực thức cùng nó làm y, vì chẳng phải sở y, nên nói chủng có y, chẳng nói có sở y.

Lại giải thích thức chủng đây không thể cùng hiện hành làm sở y, có thể có phần vị sai biệt quyết định, là chủ, không có cảnh. Có thể có nghĩa thức y mà chẳng phải thức sở y. Từ trước đến đây, phần vị sai biệt tức nhiễm tịnh y, riêng cùng làm tên, gọi là phần vị sai biệt. Thân căn mong bốn thức, bốn nghĩa đều không có, nên không có lỗi.

Thứ ba, Đẳng vô gián duyên trong y. Lại, Dị thực tâm y ý nhiễm tịnh. Thiên Thân giải thích là Thức thứ bảy, văn luận chỉ nói phiền não câu hành ý. Vô Tánh cũng ghi: Hoặc có thuyết nói cùng bốn phiền não tương ứng tâm, gọi là ý thức nhiễm ô, nên biết Thiên Thân nói là Thức thứ bảy. Lại nói, duyên này vị lai làm cảnh, chẳng phải hẳn là Thức thứ bảy, cùng Vô Tánh đồng. Nếu như sơ giải thích nói là Thức thứ bảy thì tại sao Thế Thân nói là Thức thứ bảy, Vô Tánh nói là Thức thứ sáu? Thiên Thân lấy Thức thứ sáu tương hiển nên lược mà chẳng luận. Thức thứ bảy tương ẩn, cũng hay trợ nhuận, nên nói rõ y đó. Vô Tánh căn cứ duyên sẽ có làm cảnh, chẳng phải lực của Thức thứ bảy, nên ẩn chẳng nói, chỉ nói Thức thứ sáu, mỗi một Thức căn cứ một nghĩa cũng chẳng trái nhau. Lại, thứ ba của Vô Tánh cũng đồng với thứ bảy của Thiên

Thân, như trước trong câu hữu y đã dẫn xong.

Trong số có hai giải thích, năm hạng Pháp sư và sáu ngàn công đức trong luận Pháp Hoa, phạm phu chưa được Vô lậu, trong năm căn cũng nói được hỗ dụng, có hai giải thích:

1. Các căn hỗ dụng, nghĩa là giả sử Tiểu thừa sắc tâm trước sau có Đẳng vô gián thì Nhiếp luận quyển 3, Kinh bộ của Thượng tọa chấp sắc tâm triển chuyển trước làm chủng sau. Nay vặn hỏi thì A-la-hán tâm sau chẳng thành. Vô Tánh ghi: “Cho nên sắc tâm trước sau cùng sinh, chỉ nên chấp nhận có Đẳng vô gián duyên, không có nhân duyên.

Tại sao Thức thứ bảy duyên kia tức có bốn thuyết, chánh nghĩa duyên Kiến phần? Thuyết kia chỉ có hai sư hiện hành chủng tử, vì y hiện hành làm chánh, nhưng chẳng riêng nói bốn phần y, sao nay giải thích tự thể y có thắng lực, Kiến phần có dụng của tác thọ, vì vậy duyên đó. Chẳng lìa thể nên tổng gọi duyên kia. Lại giải thích y ba phần, gồm có lực. Chỉ duyên Kiến phần, chỉ tác, thọ. Hoặc sở duyên kiến là nghĩa năng duyên, tức y, duyên đồng. Ba phần đều gọi là kiến. Do đó luận ghi: “Hằng cùng các pháp làm sở y”.

Nói trong sáu tùy biến, không trạo cử là trái nhau đây.

Hỏi: Trạo, hôn trái nhau chẳng thừa nhận cùng quyết định loạn phản ngược nhau nên chẳng đều sinh?

Đáp: Kia chẳng trái ngược nên câu khởi, đây phản ngược nhau nên riêng sinh.

Hỏi: Hai hai hành tướng mỗi mỗi trái nhau, tại sao chẳng đồng?

Đáp: Chảy tràn là tán loạn. Một hành được định đồng thời, cao thấp gọi là hôn, trạo, nên hai hành phản ngược nhau. Do hành tướng riêng biệt, thể đó cũng không có, là ý của sư này.

Trong sư thứ ba, Tát-bà-đa cho là tham, khuể, mạn chỉ là độn. Năm kiến, nghi chỉ lợi. Si thông cả lợi độn. Nay, Đại thừa cho là kiến, nghi chỉ là lợi, bốn thông cả lợi độn, tùy ứng thừa nhận cùng kiến, nghi chung cùng. Chẳng được dùng kiến cùng tham v.v... chung cùng cũng gọi là độn, không có độn riêng, kia có độn riêng. Do đây, tham v.v... thông mê cả lý và sự. Nghi chỉ mê lý, kinh Nhân Vương ghi: “Năm địa đoạn nghi, do dự trong sự, A-la-hán nghi dơi và rắn cũng vậy, đều Di thực sinh, nên loại pháp chấp, bền chặt dính trước tức chấp”.

QUYỂN 5

Đây cùng biến thứ nhất có đồng và chẳng đồng, kệ tụng nói và chẳng nói. Sở chỉ như Xu Yếu như trong quyển 10 giải thích.

Bình đẳng tánh trí chỉ xả thọ chung cùng nghĩa là quán trí là Sơ định. Bình đẳng trí, thuộc Sơ định, quán trí hỷ lạc chung cùng. Bình đẳng trí tùy hỷ lạc, có hai giải thích:

1. Giải thích về đắc: nhưng nay nói thủ đến Phật vị chỉ xả một định, chưa tự tại tùy quán trí. Tự tại thì không như vậy. Nếu như vậy, bảy thức nhân xả chung cùng. Tịnh do tha hỷ, lạc, trong nhân không có tầm tứ, quả do tha dẫn sinh ư? Hành tướng tầm tứ thô, chẳng phải do tha dẫn chuyển, lẽ ra hỷ lạc chẳng phải một loại. Tha dẫn chẳng tùy sinh, nên nghĩa thứ hai tất cả là xả. Tại sao địa đồng? Thọ đó tức riêng biệt, hỷ lạc dễ thoát nên hằng chỉ xả thọ, vì định chẳng trái nhau. Theo năng dẫn, nếu năng y của Hữu lậu vị thông chín Địa, sở y thuộc một Địa. Tùy sở sinh, nếu đến Phật vị, năng y thông chín Địa, sở y chỉ là Định thứ tư, cùng tịnh thứ tám y tương tục không lay động, mười Địa vô lậu, năng y sở y chung cùng định đồng Địa, tùy tha dẫn vậy, chưa động. Đây nói phẩm Pháp quán, chẳng phải phẩm Sinh quán, vì vẫn còn Hữu lậu.

Trong Mạt-na trói buộc, hỏi: Sở duyên một Địa trói buộc, năng duyên trói buộc tùy cảnh. Sở duyên chín Địa trói buộc, năng duyên trói buộc thông cả chín, như tổng duyên ngã kiến v.v... ư?

Đáp: Hiện hành làm cảnh hiển, năng duyên tùy nó trói buộc, chủng v.v... cảnh chìm ẩn, năng duyên trói buộc chẳng tùy.

Hỏi: Hiện hành tướng hiển có thể duyên khởi kiến, chủng tử tướng chìm, nên chẳng sinh kiến ư?

Đáp: Cảnh thông ẩn hiển, chủng tử hiện hành chung cùng cảnh, tùy nghĩa trói buộc hiển, chẳng tùy chủng trói buộc.

Lại hỏi: Năng duyên duyên Địa kia, năng sở một Địa trói buộc, cảnh là năng duyên duyên, năng sở chung cùng Vô phú ư?

Đáp: Tánh y cứ loại khác, tánh năng sở riêng biệt. Trói buộc y cứ nghĩa phược, chẳng thể trói buộc riêng.

Hỏi: Thức thứ bảy duyên hiện hành kia, năng sở thuộc một cõi. Thức thứ tám duyên chủng ba cõi, nên tùy ba cõi trói buộc?

Đáp: Thức thứ bảy, thứ tám hỗ tương tăng trưởng, năng sở một cõi trói buộc, tám cảnh chẳng hỗ tương tăng trưởng, kiến cảnh mỗi trói buộc riêng. Lại, Thức thứ tám là nghiệp kia chiêu lại, chẳng tùy cảnh giới trói buộc, Thức thứ bảy chẳng phải chỗ nghiệp cảm, tùy cảnh một

Địa trối buộc.

Hỏi: Phiền não trối buộc ba Thừa. Sở chấp gọi là tàng, pháp chấp trối buộc Bồ-tát, sở chấp lập tên tàng ư?

Đáp: Trối buộc có hai: một là trối buộc ở trong sinh tử; hai là trối buộc chẳng được chủng trí. Do đây được tên tàng, chẳng phải là Bồ-tát hằng khởi pháp chấp. Lập lượng là: Pháp chấp, chưa chứng quả vị pháp không nên hằng hành. Hai chấp tùy một nhiếp, như sinh chấp, chỗ lập tông nhân bèn cùng chung có lỗi, như sở nói mỗi mỗi có hai lỗi. Lại nhân có tự tướng tự pháp trái nhau, vì vô học, Thánh đạo ý là đồng pháp. Đồng phẩm nhất định có thể thành hại đối với tông pháp, nên thành pháp tự tướng trái nhau.

A-la-hán vĩnh viễn đoạn nhiễm trong Mạt-na, chỉ nói tất cánh đoạn nhiễm gọi là xả, chẳng nói tất cánh phục là xả, nên chẳng nói thẳng đến Bồ-tát Bất thoái, cũng xả thứ tám bốn người trái nhau. Do tâm từ cảnh thật cũng nên xả, chủng chẳng phải trọn không, nên lược chẳng nói, kỳ thật cũng xả, thì thuộc môn Thánh đạo xả, nên chẳng nói. Lại, Địa thứ tám trở đi, pháp chấp vẫn còn, Mạt-na chẳng được tên xả. Lại-da y cứ phiền não mà được tên. Địa thứ tám v.v... gọi là xả, chẳng trái nhau.

Bồ-tát Hộ Pháp lập Mạt-na trong tranh cãi thông pháp chấp, có mười đoạn:

1. Lỗi trái với kinh.
2. Lỗi trái với lượng.
3. Lỗi trái với Du-già.
4. Lỗi trái với Hiển Dương.
5. Lỗi Thức thứ bảy, thứ tám so sánh nhau.
6. Lỗi bốn trí chẳng ngang bằng.
7. Lỗi Thức thứ tám không có y.
8. Lỗi hai chấp chẳng đều.
9. Lỗi Thức thứ năm, thứ sáu chẳng đồng.
10. Tổng kết hợp.

Hoặc tổng phân ba đoạn:

1. Lập lý dẫn chứng.
2. Tổng kết.
3. Tổng hợp trái ngược.

Trong phần thứ nhất có chín đoạn, tức chín đoạn trước, cho nên nhất định có kết sau. Nói kia không là sau hợp trái ngược.

Trong ba Sai biệt, lấy tâm đối cảnh, cảnh có ba vị, đó là ngã ái

chấp tàng v.v... tâm lẽ ra cũng có ba:

1. Bồ-đặc-già-la chấp vị, gọi là nhiệm Mạt-na.

2. Pháp chấp vị, gọi là chẳng nhiệm Mạt-na.

3. Tư lương vị, chỉ gọi là Mạt-na, cùng ba cảnh trước tương ứng chẳng rộng chẳng hẹp.

Nay, phần thứ ba nói Bình đẳng trí, không nói tư lương vị là nay hiển Thức thứ bảy có hai vị riêng biệt: một là Hữu lậu, hai là Vô lậu. Vô lậu không riêng biệt. Trong Hữu lậu vị có nhiệm và chẳng nhiệm. Lại phân làm ba. Lại ba vị trước, tâm cảnh tuy tương ứng mà vô cấu trong cảnh chẳng riêng hiển rõ. Nay đối cảnh kia, tuy rộng hẹp chẳng đồng nghĩa Vô lậu v.v... nên nói bình đẳng mà không nói là Mạt-na, căn cứ tên gọi bản thức lẽ ra cũng có bốn. Đây thêm tư lương, đối lại với chấp trì kia. Kia nếu chỉ nói hai tên Dị thực và Vô cấu, đây chỉ gọi là Vô phú, Bình đẳng trí; kia chỉ gọi là Chấp trì, đây cũng chỉ gọi là Mạt-na, vì chung cùng nhiệm tịnh, nay đây nói riêng biệt nên có ba tên.

Kiến đạo toàn sinh bình đẳng trí là trong sơ chỉ có một tâm Kiến đạo giải thích, bày ba tâm Kiến đạo, hai tâm sau có trí đây, trước một tâm không có, vì nhiều phần có. Chỗ luận tổng nói chẳng phải trong đó chỉ khởi Bình đẳng trí. Lại, đọc dài luận văn Kiến đạo pháp không trí khởi, mới có bình đẳng trí, không chỉ có Tu đạo.

Hỏi: Như có Bồ-tát vô phân biệt trí vào pháp quán, ý lạc, tức vào Hậu đắc trí pháp quán ư?

Đáp: Chẳng được. Bồ-tát Hậu đắc hẳn do Phân biệt trí làm dẫn trước. Luận Phật Địa ghi: “Quán của Đẳng lưu cùng căn bản quán đồng”.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao nói xa Đẳng lưu tức được, gần tức chẳng được?

Đáp: Thế gần khó vào, xa thì dễ vào. Lại giải thích tổng không có Hậu đắc vào Biệt quán, hẳn mỗi mỗi lại khởi Vô phân biệt trí dẫn nó sinh.

Hỏi: Trước khởi chưa tự tại, sau được do trước dẫn, lâu khởi tự tại sinh, ngại gì sức tự chuyển?

Đáp: Tức y nghĩa đây, bèn có ý lạc, hậu đắc, chẳng đồng Vô phân biệt trí, hai quán riêng biệt. Luận Phật Địa và luận này căn cứ đa phần đó và chưa tự tại.

Bình đẳng tánh trí không có phân biệt, Diệu quán trí dẫn tức duyên Chân như. Nếu Diệu quán trí tương Kiến đạo dẫn bình đẳng trí, tức duyên tướng tự Chân như. Diệu quán vào sinh không, tự chẳng

thành bình đẳng, chỉ duyên Thức thứ tám, tướng đây có thể biết. Nếu Thức thứ sáu vào vị pháp quán, lắng nghe chánh pháp v.v... vào riêng du quán tâm, Bình đẳng tánh trí duyên cảnh giới nào? Chẳng thể duyên Chân như và duyên Thức thứ tám, thứ sáu vì chẳng phải hạnh đây. Nếu duyên duyên bên ngoài lắng nghe chánh pháp v.v... và duyên ba nẻo ác v.v... là trong nhân đã có hành tướng đây ư? Nếu nó chẳng duyên, tại sao duyên tợ Chân như v.v...? Tức thừa nhận tha dẫn, đây chẳng thừa nhận tùy tha dẫn ư?

Trong sở tri chướng, buông bất thiện chẳng ngăn che, Nhị thừa gọi là Vô phú, chướng Bồ-tát gọi là Hữu phú. Lại giải thích trong tâm bất thiện cũng chỉ có Vô ký, chẳng trái với phiền não chướng.

Hỏi: Trí chướng chẳng chướng ở Nhị thừa tức gọi là Vô phú. Hoặc chướng chẳng chướng Bồ-tát nên gọi là Vô phú ư?

Đáp: Thanh văn chỉ cầu một quả, trí chướng nên gọi là Vô phú. Bồ-tát cầu cả hai quả. Hoặc chướng nên chẳng phải Vô phú.

Hỏi: Trí chướng chướng Bồ-tát, tức chỉ gọi là Hữu phú, hoặc chướng ba Thừa, nên chẳng phải là bất thiện ư?

Đáp: Trí chướng chỉ chướng chân kiến, chỉ gọi là Hữu phú. Hoặc chướng khiến ở sinh tử, nên thông bất thiện, lại vì tổn tự tổn tha.

Luận Du-già quyển 16 dẫn kinh ghi: “Ý nhiễm ô luôn luôn cùng các hoặc sinh diệt, nếu giải thoát các hoặc, chẳng phải trước cũng chẳng phải sau”. Luận kia tự giải thích rằng: “Chẳng phải trước là cùng các phiền não luôn chung cùng sinh. Chẳng phải sau tức cùng hoặc kia chung cùng thời diệt”.

Bất cộng vô minh có hai: một là cùng căn bản chung cùng hằng hành tất cả phần, chỗ các thức khác không gọi là bất cộng; hai là chẳng chung cùng với căn bản, gọi là bất cộng. Nhưng lại có hai:

1. Cùng tiểu, trung, đại tùy phiền não chung cùng, chẳng cùng căn bản hoặc chung cùng, gọi là bất cộng.

2. Chẳng cùng tiểu tùy hoặc và căn bản chung cùng, cùng trung đại tùy chung cùng, gọi là bất cộng.

Tùy chỗ ứng đó, hai loại sau cũng thông cõi trên, nhưng cùng tương ứng nhiều nhỏ cõi trên dưới riêng biệt, nhưng phân làm ba câu:

1. Chỉ kiến đoạn, nghĩa là riêng hành bốn đế.

2. Chỉ tu đoạn, nghĩa là Thức thứ bảy.

3. Thông cả kiến tu, nghĩa là phần v.v... tương ứng.

Trong vận hỏi thứ ba, đã diệt y đây giả lập tên ý, tại sao chẳng y hiện hành gọi là tâm thức, chỉ tợ ý ư? Ý có hai nghĩa: một là y chỉ hai

là tư lương, đủ cả mười bốn nghĩa, ngoài ra chỉ là y chỉ, quá khứ y chỉ tợ Thức thứ bảy. Tư lương cũng tợ Thức thứ bảy gọi là ý, chẳng tợ tâm thức, gọi là tâm thức.

Hỏi: Đã diệt làm y v.v... tư lương cũng gọi là tợ. Thức thứ sáu, thứ tám hiện hành làm y, tợ Thức thứ bảy có tư lương, nên đều được gọi là ý, căn cứ thật các thức khác đều được tên ý. Đã diệt tợ hiện hành Thức thứ bảy, chỉ nói đó là ý.

Mạt-na là gốc của thức trói buộc, nay quán ý đây, nếu duyên trói buộc thể chỉ căn cứ phiền não chướng, nếu tướng trói buộc thể, căn cứ pháp chấp nói, nên diệt rồi đây tướng trói buộc giải thích thoát. Đây nếu có lúc khởi nên bố thí v.v... chẳng thể mất tướng, nếu y phiền não nói có tướng trói buộc, thân A-la-hán nên không có tướng trói buộc, vì y duyên trói buộc, gọi là lúc tàng, không thời gọi là xả tàng, chẳng gọi là xả tướng trói buộc, lúc không pháp chấp, gọi là xả tướng trói buộc.

Nếu vậy, sinh không trí cùng pháp chấp chung cùng, nên gọi là tướng trói buộc. Do vậy, tổng hiển tướng ưng trói buộc của sở duyên, cả ba Thừa đoạn. Tướng trói buộc là chỉ Bồ-tát đoạn, nếu do pháp chấp, tức Nhị thừa sinh không quán lẽ ra cũng có tướng trói buộc. Lại, luận chỉ nói nhiễm ô Mạt-na là thức y chỉ, lúc nó chưa diệt cùng liễu biệt trói buộc chẳng được giải thích thoát, nên chỉ do sinh chấp thành liễu biệt trói buộc. Cho nên, chỉ như trong sơ giải thích. Do có Mạt-na nên bố thí v.v... chẳng mất tướng, tức chẳng phải trong bảy nghĩa chỗ vô tướng trí nhiếp thọ, tại sao trước Kiến đạo và Địa thượng Hữu lậu bố thí v.v... thành bố thí v.v... ư? Nay hiển khác Vô lậu, tướng đó chẳng mất, chỗ vô tướng trí đó nhiếp thọ, nghĩa là không chấp trong Thức thứ sáu gọi là vô tướng trí, chẳng phải Thức thứ bảy chấp. Nếu chẳng như vậy sẽ không có nghĩa Ba-la-mật. Lại, tướng trói buộc kiến gọi là tướng phược, kiến trói buộc tướng gọi là kiến phược. Kiến chẳng minh chứng, chẳng tự tại, nên do tướng phược. Tướng không có thể chứng lực tự tại, làm sao nói kiến trói buộc ở tướng? Nếu chẳng như vậy, tại sao sở thủ năng thủ trói buộc? Văn sau nói tuy do phiền não dẫn nghiệp bố thí v.v... mà chẳng cùng chung khởi, chẳng phải chánh nhân Hữu lậu, tức hiển duyên trói buộc v.v... chẳng phải chánh thể Hữu lậu. Quyển 65 ghi: “Chỗ hiện lượng hiện hành có duyên trói buộc, sắc thanh tịnh đó chẳng tương ưng thiện và một phần Vô ký tâm tâm sở, chẳng phải có duyên trói buộc, chỉ do tùy miên gọi là Hữu lậu. Cùng phiền não chủng chung cùng là đây y cứ nghĩa riêng biệt, cũng chẳng trái nhau v.v... rộng nói rất tinh, nên lấy kia hợp, tức hiển năm cảnh có chỗ duyên trói buộc, ngoài ra, căn tâm

v.v... tức không nghĩa đó, chỉ hiển cùng đây bày Hữu lậu chung cùng, nói là tương thuận, nhưng cùng năm mươi chín đoạn hai phược nghĩa trái nhau. Do đây, chỗ duyên trói buộc có hai: một là thân gần tức chỉ chỗ hiện lượng hiện hành; hai là thưa xa tức tịnh sắc v.v...

Tâm cảnh triển chuyển hỗ tương tăng thêm. Nói tịnh sắc, thiện tâm, một phần Vô ký v.v... chẳng phải có chỗ duyên trói buộc là căn cứ Tướng phần thân gần, nên phần sau luận này nói Thức thứ tám v.v... nói hai phược đoạn là y cứ nghĩa sơ mà nói. Nếu chẳng như vậy liền cùng hai luận trái nhau. Lại xét hòa hợp, đã nói tuy do phiền não dẫn nghiệp bố thí v.v... mà chẳng phải chánh nhân, ngã năng hành bố thí, rõ chỉ tướng phược, chẳng phải Hữu lậu nhân, như đoạn duyên trói buộc. Tuy đoạn Kiến đạo và Thức thứ tám trước Tu đạo, vì chưa toàn tận, chẳng gọi là đoạn. Hữu lậu nên như vậy, như duyên một sắc, năm thức và ý hai chỗ duyên trói buộc và vì Thức thứ bảy cùng lậu chung cùng, nên cần phải đến Kim cương mới có thể đoạn tận. Đây như chỗ đoạn của phẩm đầu Tu đạo tuy cũng là tám phẩm hoặc sau trói buộc, nhưng được gọi là đoạn, vì tự lực mạnh. Hữu lậu cũng vậy, duyên trói buộc tương ứng hai lực, tăng thượng nên nói chưa đoạn, Thức thứ bảy cũng gọi là đoạn. Nếu vậy, tại sao hai Thức trước đã thù thắng, tại sao chẳng làm chánh nhân Hữu lậu mà lấy lậu chung cùng, hoặc lại trói buộc căn cứ hai trói buộc? Hữu lậu căn cứ lậu chung cùng, đoạn y cứ hai trói buộc, nên có thể nói đoạn, chẳng đứng về lậu chung cùng nói đoạn, cũng chẳng trái nhau. Chủng tử Pháp nhĩ từ vô thỉ chẳng từng hiện khởi chung cùng với Thức thứ bảy, tại sao được thành Hữu lậu? Chẳng cần hiện hành cùng hoặc Thức thứ bảy chung cùng mới gọi là Hữu lậu. Hoặc chủng tử hoặc hiện hành từ vô thỉ đều cùng, hoặc Thức thứ bảy chung cùng, hỗ tương tăng ích, cùng tùy thuận vậy, đều thành Hữu lậu, chẳng phải Vô lậu chủng cũng hay tương thuận. Lại nói Pháp nhĩ chẳng cần Thức thứ bảy chung cùng, chẳng phải Pháp nhĩ là hẩn chung cùng tăng ích, nhưng nghĩa của Hữu lậu, Vô lậu trong quyển 65 như quyển 8 sau giải thích.

Tùy cảnh lập danh, y năm sắc căn chưa tự tại v.v..., hỏi: Một cảnh nhiều thức nắm lấy, quả vị chỉ tùy căn, một căn nắm lấy nhiều cảnh, chẳng thể xứng hợp tùy căn ư?

Đáp: Một thức cảnh thành nhiều, chẳng thể xứng hợp tùy cảnh, sở y căn chỉ một, tùy căn lập tên thức, nghĩa này rất khó nên tư duy.

Các căn hỗ dụng có hai thuyết khác nhau. Sư thứ nhất giải thích: thật năng duyên các cảnh, trong đó có hai nghĩa: một nghĩa nói mỗi mỗi thức thể chuyển dụng thành nhiều, chẳng phải chuyển pháp thể,

nên chẳng phải thọ v.v... cũng thành tướng v.v... dụng của thủ chấp ảnh tượng, tất cả không ngăn ngại, chẳng thể vận hồi lấy đại chủng làm tạo, vì đây là thể chuyển của nó, như Thức thứ tám duyên năm trần, cũng được tự tại, chẳng thể vận hồi hoại căn chẳng hoại cảnh v.v... Nghĩa thứ hai giải thích sợ hoại pháp tướng, chỉ chọn lấy tự cảnh đều là thật cảnh, chỗ chọn lấy cảnh khác đều là giả cảnh, vì dụng của thức rộng lớn chẳng phải được các tự tướng khác. Sợ nhãn nhĩ căn lúc được ba trần, nếu đến năng thủ hoại căn chẳng hoại cảnh nếu chẳng đến năng thủ, hoại cảnh chẳng hoại căn, ngoài ra, ba căn thủ sắc thanh cũng vậy, đều có lỗi này. Sự thứ hai giải thích: mỗi mỗi căn xứ khắp có các căn, mỗi mỗi tự khởi dụng, chẳng phải do một căn được tất cả cảnh, vì dụng của các căn có khắp tất cả nên gọi là hỗ dụng. Nếu không như vậy bèn thành hoại pháp tướng. Tâm vương lẽ ra cũng có tâm sở dụng, mà chọn lấy tướng riêng biệt v.v...

Sở y, kệ tụng ghi: “Năm bốn sáu có hai, bảy tám một câu y, và khai đạo nhân duyên, mỗi mỗi đều tăng hai”. Năm, bốn là năm thức mỗi thức có bốn y: một là thuận thủ y, hai là minh liễu y, ba là phần vị ý, bốn là y khởi y. Sáu có hai là ý thức có hai sở y: một là phần vị, hai là y khởi. Bảy tám một là hai Thức thứ bảy và thứ tám mỗi thức có một y. Bảy có một, đó là y khởi. Tám có một đó là phần vị. Câu y là hiển chỗ trên nói rõ thuộc về Câu hữu y. Khai đạo tức là Đẳng vô gián y, nhân duyên tức là chủng tử y và là nói các thức đây lại thêm hai y. Mỗi mỗi đều tăng hai đó là năm thức có sáu, Thức thứ sáu có bốn, Thức thứ bảy và thứ tám mỗi thức có ba, như quyển 4 trước giải thích.

Sở duyên, kệ tụng ghi: “Nhân kiến mỗi tùy ứng, năm ba sáu có hai, sáu mỗi mỗi chẳng định, tự tại thấy phân biệt”. Nhân là chọn lựa tự tại vị. Kiến là ở trong nhân chọn lấy Kiến phân trừ Tự chứng phần. Mỗi mỗi là hiển nghĩa riêng biệt. Tùy ứng là hiển thức năng duyên chẳng phải quyết định, tùy chỗ đó ứng thức duyên các pháp. Năm, ba là sắc v.v... năm giới chỗ ba thức duyên. Một là năm thức, hai là Thức thứ sáu, ba là Thức thứ tám. Thức thứ tám thuộc về ý giới. Sáu có hai là đó là nhãn v.v... năm giới, chỗ hai Thức thứ sáu và thứ tám chọn lấy. Ý giới cùng làm thể, thức thứ sáu thứ bảy chọn lấy. Luận Du-già v.v... ghi: “Thức thứ bảy thứ tám thuộc về ý giới”. Sáu một là đó là nhãn v.v... sáu thức giới chỉ một ý thức duyên. Thức thứ bảy thứ tám chẳng gọi là ý thức giới. Một chẳng định tức là pháp giới. Nếu chẳng phải chỗ dẫn của lực tha định, thần thông v.v... chỉ ý thức duyên. Nếu là tha dẫn năm thức, Thức thứ tám, thứ sáu chung cùng năng dẫn đó. Trong đó lại

có Di sinh, Nhị thừa, Bồ-tát là sở dẫn, mỗi mỗi có sai biệt. Tự tại phân biệt đó là hoặc Sơ địa hoặc Địa thứ tám, Như Lai vị mỗi vị có sai biệt, mỗi vị là tám thức khác duyên. Thấy phân biệt đó là nếu pháp giới tâm sở trong nhân đều là Tự chứng phần, chứng Tự chứng phần, ở trong bảy tâm giới, xứ xứ thêm bản thân nó và mười tám giới trong quả là chỗ bảy tâm giới và pháp giới biết rõ, như lý nên biết.

Ba nghiệp hóa là, thân hóa có ba:

1. Hiện thân thông hóa, nghĩa là hiện các thứ công xảo v.v... dẹp phục các chúng sinh kiêu mạn, tức là bi, tuệ, bình đẳng vận đạo, như hiện thân thông độ Ca-diếp v.v...

2. Hiện thọ sinh hóa, nghĩa là đến xứ kia thị hiện đồng loại nhưng ở vị tôn quý nhiếp phục tất cả chúng sinh khác loại.

3. Hiện nghiệp quả hóa, nghĩa là thị hiện lãnh thọ bản sự bản sinh các hạnh khó tu, như Tỳ-thấp-phạn-đất-la v.v... tất cả bản sinh sự gọi là bản sinh sự, y bản sinh này, các thứ khổ hạnh trước đây tu hành, gọi là hạnh khó tu.

Hoặc ở đời nay nương thân biến hóa, trước tu khổ hạnh, sau xả hạnh kia, ở nơi tu hạnh mới được Bồ-đề, gọi là hạnh khó tu. Như nói Đức Như Lai ở đời Phật Ca-diếp nói lời trách mắng: Sa-môn xứ nào cạo bỏ râu tóc có đại Bồ-đề, Bồ-đề Vô thượng rất khó được, do ác nghiệp ấy, nay chịu quả khổ. Đây là ngăn hành ác hạnh, thị hiện tạo tác để giáo hóa.

Ngữ hóa cũng có ba:

1. Dùng lời tốt đẹp an ủi để giáo hóa, nghĩa là tuyên dương các thứ văn nghĩa khéo hay, tùy vui thích chúng sinh tiểu trí mới nghe sẽ tin.

2. Dùng lời phương tiện để giáo hóa, nghĩa là tập học xứ, hủy phá các phóng dật, tán thán chẳng phóng dật. Lại còn kiến lập tùy người tin hiểu, tùy pháp hạnh v.v...

3. Dùng lời luận bàn xiển dương để giáo hóa, nghĩa là đoạn vô lượng nghi hoặc của chúng sinh.

Ý hóa có bốn:

1. Quyết trạch có hóa, nghĩa là chọn lựa tám vạn bốn ngàn hạnh sai biệt kia, như trong sơ giải thích, trong kinh Hiền Kiếp quyển 2 ghi: “Bồ-tát Hỷ Vương ngồi yên tư duy” v.v...

2. Tạo tác ý hóa, nghĩa là quán hạnh mà chúng sinh hành, hành và chẳng hành, hoặc được hoặc mất, vì khiến thủ xả tạo tác đối trị.

3. Phát khởi ý hóa, nghĩa là vì muốn nói đối trị, hiển bày danh, cú,

tự thân mà họ vui thích.

4. Lãnh thọ ý hóa, tức nương vào bốn thọ ký. Bốn thọ ký có hai: một là bốn thọ ký của nhân; hai là bốn thọ ký của pháp, như Biệt sao giải thích.

Từ định khởi, Du-già sao giải thích:

1. Khởi nhĩ thức gọi là khởi.
2. Khởi định tâm cùng Nhĩ thức duyên tiếng gọi là khởi.
3. Xuất định, gọi là khởi.

Khởi đầu nối tiếp vị trước, rộng như kinh luận Phật Địa quyển 6 giải thích.

Bồ-tát khởi năm thức trong Hậu trí cũng đẳng dẫn vị khởi, Tập Tập nói căn cứ Nhị thừa thiếu, Dị sinh toàn vẹn.

Hằng y tâm khởi v.v... giải thích tâm sở cần đủ ba nghĩa, gọi là tâm sở, không chỗ chọn lựa riêng biệt, ngoài ra như Số giải thích.

Tướng chung riêng của tâm, tâm sở, nên nói Vô vi duyên đồng, Hữu vi duyên riêng. Trong Hữu vi duyên có bản chất duyêngiêng, không bản chất cảnh cũng riêng. Tướng là nghĩa, chẳng phải thể chẳng phải tướng.

Từ căn gọi là ý và đó gọi là thọ, mới gọi là tâm thọ. Nay giải thích gọi căn cứ cận y nên gọi là ý thức. Thọ đối nơi sắc nên nêu tên tâm. Nếu lúc chẳng đối, có thể gọi là ý thọ, nhưng không có văn này. Hai Thức thứ bảy, thứ tám đó vì đối thân nên có thể gọi là tâm thọ. Lại, thọ từ tâm tương ứng gọi là tâm. Thức thứ sáu chung cùng theo sở y nên Thức thứ bảy gọi là ý. Tâm thông Thức thứ sáu, bảy, tám.

Năm thức mặc tình tham si là Vô ký, hãy xem trong kinh Duyên Khởi.

Năm thọ chia làm hai, đó là thân và tâm. Văn luận chỉ lấy riêng nghĩa duy để giải thích, như Đối Pháp sao quyển 1 giải thích. Tại sao Thức thứ sáu gọi là thức? Trong ba thọ, tại sao chỉ nói khổ lạc mà không nêu ưu hỷ? Vì khổ đối lạc chung cùng thông ba tánh, vì ưu đối hỷ, lý thì chẳng như vậy, vì rộng nhiếp hẹp chỉ gọi là khổ lạc. Lại, khổ và lạc hành tướng mạnh nhanh, vì sáng nhiếp tối, ưu hỷ chẳng đồng. Lại, khổ và lạc đều là Dị thực, đều có Dị thực. Ưu đó và hỷ chẳng thể đầy đủ. Lại, quả nhân đủ nhiếp chẳng đủ. Lại có giải thích khác: vì khổ đối lạc chung cùng thông sáu thức, vì ưu đối hỷ chỉ tại trong ý. Lại, nói khổ, lạc chán thích hành tăng, ưu hỷ chẳng như vậy, nên nêu khổ lạc. Lại, khổ đối lạc chung cùng thông vô học vì ưu đối hỷ, lìa dục bèn trừ, nên nói khổ lạc. Lại, vì khổ đối lạc chung cùng Địa thượng xả, vì ưa đối hỷ đều

Địa hạ trước trừ nên nói là khổ lạc.

Ba thọ chia làm hai, nghĩa là thân và tâm, văn luận chỉ lấy riêng duy để giải thích đó, y năm căn thọ, tùy căn mỗi riêng biệt, do đâu tổng lấy thân thọ làm danh?

Đáp: Do năm căn này thể đều là sắc.

Hỏi: Nếu vậy, nhãn v.v... nên đều gọi là thân chẳng?

Đáp: Tự thể sinh thức, tướng trạng khác.

Hỏi: Nếu do tướng khác chẳng đều gọi là thân, tùy riêng thọ sinh, nên chẳng phải thân thọ ư?

Đáp: Do nhãn v.v... bốn thứ chẳng lia thân, đều từ sở y, nên gọi chung là thân thọ.

Hỏi: Ý căn cũng vậy, nếu chẳng lia thân đều nên gọi là thân chẳng gọi là tâm thọ ư?

Đáp: Hai giới nhãn v.v... đều chẳng lia thân. Vô sắc, ý căn lia sắc mà chuyển, làm sao kiến lập thân thọ chẳng phải tâm. Thể tướng đã khác, nên phân hai thứ.

Hỏi: Trong luận những gì chẳng thông tất cả thức thân thì ý địa tất cả căn tương ưng, đã nói là căn, tại sao chứng ý có khổ căn?

Đáp: Trước nói Câu sinh tất cả phiền não đều ở ba thọ hiện hành có thể được, nên biết căn tức là khổ căn. Ưu căn định chẳng phải tánh Vô ký. Lại, nêu ưu căn tuy thông và đều cùng, chỉ có thân kiến thì không như vậy. Nên trong địa ngục ý có khổ căn, mà cùng câu, nên thuộc về năm căn. Ưu tuy không thật chứng, nay dùng lý giải thích nói ưu thông Vô ký, rốt cùng có lỗi gì? Hối ất ưu chung cùng, nó đã Vô ký, đâu ngại gì định. Luận Du-già nói chẳng phải Vô ký là tùy chuyển lý. Do hai giải thích đây hỗ tương có ngắn dài, mặc tình thủ xả, nghĩa ba tánh ba thọ câu và chẳng câu, xem Du-già sao quyển 51.

Địa ngục tám căn, hiện hành, chủng tử, định chung cùng thành tựu, mạng căn đã là chủng tử, làm sao thành hiện hành?

Đáp: Một tổng nói tám gọi là thành, đâu cần mạng có hiện hành, chủng tử trong thức có thể là mạng thể gọi là chủng. Hiện hành năng làm căn gọi là hiện. Lại, thể là chủng tử, dụng là căn gọi là hiện hành. Lại, năng trì gọi là chủng tử, sở trì gọi là hiện hành.

Hỏi: Tại sao định thứ ba, cận phần, căn bản đồng là lạc căn, trong hai định trước có hỷ có lạc, phương tiện chỉ có hỷ mà không có lạc, chẳng đồng thứ ba, cả hai cùng chung tương tự ư?

Đáp: Ba định chung cùng rất trùng không phân biệt. Bản, nhân, chung cùng là lạc. Phương tiện thứ nhất và thứ hai không có hỷ căn, chỉ

đồng căn bản mà nói có hỷ.

Hỏi: Ba định phương tiện dẫn căn bản, tức là nói hai Địa chung cùng hỷ ưu thắng đồng lạc. Hạ địa phương tiện dẫn căn bản, cũng nên chung cùng gọi là hỷ năm căn?

Đáp: Phương tiện, căn bản, hỷ sai biệt, ba định không khác. Phương tiện, căn bản cùng chung gọi là lạc, phương tiện hạ Địa căn bản có sai biệt, cùng chung có sai biệt đều gọi là hỷ, trong hai định căn bản sau chẳng do vô phân biệt nên gọi là lạc, chỉ vì hỷ căn gọi là lạc.

Hỏi: Lẽ ra định thứ ba chẳng do vô phân biệt, hỷ tâm gọi là hỷ?

Đáp: Dưới có phân biệt hỷ căn gọi là lạc, trên không phân biệt hỷ tâm gọi là lạc, nghĩa này nên tư duy.

Hỏi: Như khổ cùng cực nên ý có khổ căn, căn của địa ngục xoay thọ trong người, như kinh Hiền Ngu quyển 12 ghi: “Ương-quật-ma-la đắc quả A-la-hán trong cõi người rồi bị lửa đốt giết”, vậy căn rất khổ ấy có trong cõi người không? Có giải thích trong địa ngục, cõi người chỉ thọ bốn xứ hoặc năm xứ, chẳng thọ quả sáu thức. Mười Chứng trong Duy thức ghi: “Nghịch quả trong ý, tuy khởi không tạp mà có gián đoạn, tức nói chẳng ở các nẻo khác thọ, theo văn này chỉ xoay thọ quả bốn xứ hoặc năm xứ. Năm căn sáu thức đều chẳng được. Lại giải thích, luận căn cứ chẳng phải sám hối và vào Thánh là thú sinh không tạp, vì từ nhiều phần. Chẳng phải xoay thọ là, nên sáu thức đều có thể thông xoay thọ, vì trong sáu thức đều thọ khổ.

Hỏi: Luận sư Hộ Pháp nói ưu, khổ, chủng tử là đồng hay là khác?

Đáp: Nếu vậy thì chẳng có lỗi.

Hỏi: Nếu nói đồng, tại sao địa ngục khổ căn cũng chẳng gọi là ưu? Nếu khác, tại sao hai định đều gọi hỷ lạc. Địa ngục ưu khổ chẳng thừa nhận hai tên. Nếu một khổ căn cũng gọi là ưu, ba căn chẳng thành lại là tự hại, thì căn thứ ba tức là ưu căn chẳng thành?

Đáp: Nay chủng tử hai căn ưu khổ nhất định khác, cùng chung hành bức bách, do không phân biệt có phân biệt. Hai căn hỷ lạc, hoặc đồng hoặc khác, như Vô phân biệt trí và hậu sở đắc, Địa thứ tư trở về trước mỗi do chủng riêng sinh. Địa thứ năm trở lên hoặc đồng hoặc khác. Hai chủng tử sinh một hiện hành, một chủng tử sinh hai năng cũng không có lỗi. Bên trong của hiện hành không có hai tuệ, hành chẳng trái nhau, một niệm cùng chung nói, hỷ lạc cũng vậy, nên chẳng đồng ưu khổ.

Hỏi: Luận sư An Tuệ nói ưu khổ chủng tử cũng vậy, tại sao địa

ngục ưu căn cũng chẳng gọi là khổ, như hỷ hai định sau? Tại sao khổ cực chẳng gọi là khổ như lạc định thứ ba?

Đáp: Ưu khổ hành tăng, cả hai chẳng chung cùng, hỷ lạc chẳng trái ngược nên một niệm sinh.

Hỏi: Tại sao đẳng thuận khác với trái ngược?

Đáp: Khổ cực chẳng phải ý. Trái ngược ở thuận, lạc cực tại tâm, do có phân biệt không phân biệt. Sư đây cho là địa ngục thừa nhận khởi phân biệt phiền não. Sư trước chẳng như vậy. Nghĩa này tư duy, rất khó giải thích.

Thiện v.v... ba tánh, sáu thức là nhân xa khởi, sát-na đều khởi phân biệt. Bốn Vô ký v.v... mấy thứ có ba nghiệp? Dị thực tâm v.v... năng phát nghiệp không? Chẳng phải nghiệp quả tâm định được phát nghiệp và tùy chuyển. Nghiệp quả là tuy chưa thấy văn nhưng lý thật khó, phán các thứ khác là được. Mới đầu khởi khổ lạc thọ đó, như thiện và bất thiện cùng khó vậy, hẳn do tâm nhiễm tịnh dẫn mới tùy Đăng lưu. Là dục khổ căn đã không có ưu dẫn, tại sao mới đầu khởi tánh thiện ác bức vặn hỏi. Mới đầu sinh tánh tùy ý, khổ lạc chẳng phải tánh riêng biệt, xả dẫn tức tùy sinh.

Giải thích trong dục, sư thứ nhất nói có thể nhàm chán sự tức không có dục. Vô lậu tâm đó có lúc không có dục. Vô lậu thứ bảy duyên nhân thứ tám cũng nên không có dục. Lý đây chẳng phải trái ngược. Sư thứ hai cho rằng nếu có cầu mong tư cụ, những vật mong muốn như lúa thóc v.v... há không có dục ư? Nên đều chẳng đúng.

QUYỂN 6

Nhẫn, lạc, dục riêng biệt trong tín, ở trong ba cảnh, tùy nghĩa tăng nói. Hai loại sau chỉ là thiện, cũng chỉ là lạc dục làm tên, loại trước thông nhiệm tịnh, nên nêu tên nhẫn, kỳ thật ở Diệt đạo cũng lạc dục vậy, ở hai loại sau cũng có thể có nhẫn. Trong hữu năng, nghĩa là ở tất cả thiện thế gian và xuất thế gian, tin sâu có lực năng được năng thành. Đối Pháp chỉ nói, nghĩa là ngã có lực năng được năng thành. Nếu theo giải thích đây, tin hai thiện đó tức được Vô vi năng thành giác giả, tức tin thật có, tin có dụng. Hoặc tin đức nhiếp, nhiếp trong pháp. Nay lại giải thích tin hai thiện đây năng đắc Niết-bàn, năng thành Đại giác v.v... là tin có năng, có công năng.

Mặc giáp gia hạnh v.v... luận đã tự giải thích. Có thế lực v.v... không có văn giải thích. Thế nghĩa là uy thế, cần nghĩa là sách tấn. Đồng nghĩa là đồng mãn. Kiên mãn nghĩa là tiến vững chắc. Chẳng xả thiện ách nghĩa là trọn chẳng lùi chẳng ngừng. Thiện pháp lập ít, nhiệm pháp lập nhiều là nhiệm pháp từng huân thời gian dài, pháp rộng nên nói nhiều về nó. Thiện pháp khởi thiếu thời ngắn, pháp lược nên ít nói. Nếu tại Phật vị, do nhân rộng nên quả thiện vô biên, muốn khiến người nghe hoan hỷ mong cầu, do đó nói nhiều.

Trong thiện pháp tu đoạn và chẳng đoạn, nên thuật sáu mươi lăm nghĩa của duyên phược, và năm mươi chín nghĩa của hai đoạn, đến quyển 8 sau sẽ rộng phân biệt. Oai nghi, công xảo, biến hóa đã thông thiện tánh, trong thiện đủ bao nhiêu, mỗi mỗi nên tư duy.

Hai mươi câu trong Tát-ca-da-kiến trong quyển 65 chuẩn cứ chấp ngã trước, lược có ba thứ: một là tức uẩn, hai là lìa uẩn, ba là cùng uẩn chẳng tức chẳng lìa. Câu này chỉ là mới đầu tức uẩn chấp, không có hi chấp sau. Lìa uẩn tổng nói mà làm một ngã. Uẩn riêng có ba, như vậy ngã sở có mười lăm câu. Đã nói cùng uẩn chẳng tức chẳng lìa, chẳng thể định nói uẩn là ngã sở, nên không có câu. Nhưng theo Du-già quyển 6 và 64, lìa uẩn có ba:

1. Dị uẩn trụ tại trong uẩn.
2. Dị uẩn trụ trong pháp lìa uẩn.
3. Dị uẩn chẳng phải trụ trong uẩn, chẳng phải trong dị uẩn.

Tất cả uẩn pháp đều chẳng tương ưng. Như vậy ba thứ đều có mười lăm ngã sở, hợp thành bốn mươi lăm câu ngã sở và ngã tổng có bốn mươi tám câu. Nói tương sở hành, mỗi loại có khởi, xứ, duyên, đó là duyên lịch, y khởi, sở duyên ba nghĩa đều được, nếu duyên xứ là

chẳng phải phân biệt xứ, lại có bốn mươi tám, nếu phân biệt là một xứ có ba mươi ba ngã sở, một ngã, hợp thành ba mươi bốn, mười hai lần ba mươi bốn, hợp thành bốn trăm lẻ tám, mười hai ngã kiến, ba trăm chín mươi sáu ngã sở kiến, mười tám giới v.v... theo đó mà biết.

Du-già quyển 8 nói có bảy đảo, đó là: Tưởng đảo, kiến đảo, tâm đảo và tịnh, ngã, lạc thường. Bốn vọng tưởng phân biệt kia là tưởng đảo. Ở trong sở vọng tưởng phân biệt kia thì nhãn, dục lạc, kiến lập, chấp trước là kiến đảo. Phiền não ở sở chấp trước tham v.v... gọi là tâm đảo. Phiền não có ba:

1. Đảo căn bản, nghĩa là vô minh.
2. Đảo tự tánh, nghĩa là Tát-ca-da-kiến, một phần biên chấp kiến, kiến, giới thủ và tham.
3. Đảo Đăng lưu, nghĩa là tà kiến và một phần biến chấp kiến, khuể, mạn và nghi.

Tát-ca-da-kiến là vô ngã ngã đảo. Một phần biên kiến là vô thường thường đảo, kiến thủ là bất tịnh tịnh đảo, giới thủ là ở khổ lạc đảo, tham thông cả hai thứ, vì thông hai đảo tịnh và lạc, như sở giải thích.

Lại giải thích tùy thuận môn nên thuộc về hai thủ, chẳng nói kiến giới có sở y duyên và hai nghĩa chẳng đủ, chẳng phải thuộc hai thủ. Nếu đơn duyên kiến và câu duyên đồng thời năm uẩn và bạn loại trước sau làm thắng, năng tịnh là kiến thủ. Nếu đơn duyên câu đồng thời và năm uẩn trước sau cùng tất cả pháp làm thắng, năng tịnh, hoặc thắng chẳng phải tịnh, hoặc năng tịnh chẳng phải thắng đều duyên kiến và câu duyên đồng thời năm uẩn làm thắng chẳng phải năng tịnh, làm năng tịnh chẳng phải thắng, đều chẳng phải kiến thủ, giới thủ cũng vậy. Nếu duyên kiến tăng tùy thuận giới kém cũng gọi là kiến thủ, giới tăng tùy thuận kiến kém cũng gọi là giới thủ, nếu duyên hai câu tăng, hành tướng cũng câu tăng là hẳn chẳng phải hai thủ, vì hai thủ chẳng tương ưng, chỉ là pháp chấp nhiễm tuệ, chẳng phải thuộc hai kiến. Hai kiến nhiếp là hẳn tìm câu sâu, hành tướng riêng thù thắng. Chẳng làm giải thích như trước v.v... bèn trái với đây và văn Du-già. Hai nghĩa chẳng đủ, giả sử hai nghĩa đủ, chẳng phải kiến giới là chẳng phải gọi sở mục, nên chẳng phải hai thủ.

Ba đường ác cực khổ xứ, chẳng tạo qua nghiệp đường ác, không phân biệt hoặc. Có thể tạo nghiệp người trời ư? Đáp: Chẳng chướng ngại, chỉ nói không phân biệt phiền não, chẳng nói không nghiệp trời người. Nếu tự chẳng khởi, chẳng cùng vô minh, làm sao tạo nghiệp trời người? Nên cũng chẳng tạo. Đây luận tổng báo, biệt báo có thể tạo,

thiện ác cùng chung được.

Sinh tại địa ngục, khởi bao nhiêu phiền não Vô sắc giới? Chỉ khởi ở sáu hoặc bảy, nghĩa là kiến thủ, mạn, nghi, ái, si và ngã kiến. Hoặc định hoặc sinh chẳng qua đây. Lại có thể khởi giới thủ kia, vì chấp định kia là nhân thù thắng, không khởi tà kiến và biên kiến, vẫn không đồng Sắc giới có ba mươi hai kiến. Sinh Dục giới khởi Sắc giới định có năm là thân, biên, mạn, ái, nghi, hai thủ trong tám tâm, chẳng biến khởi tướng của tà kiến. Cả hai luận không có nhân cũng là định sau khởi tà kiến kia, chín loại đều chấp nhận khởi, và khởi giới thủ, vì chấp định kia là nhân thù thắng, nhưng không có văn nói sinh Vô sắc giới trừ hạ nhuận sinh ngã, tham, mạn, hai kiến, si, ngoài ra lại chẳng được khởi. Luận kia không có Trung hữu, có thể nói khởi báng v.v.... Sinh Vô sắc giới chỉ khởi hạ Câu sinh, không khởi tướng phân biệt, không có Trung hữu khởi báng.

Đầu quyển 62 nói năm thứ ái duyên thượng, nghĩa là hoặc chứng đắc Đẳng chí, kế chấp làm thanh tịnh, khả hân, khả lạc, khả ái, khả ý, tùy niệm ái vị. Hoặc chưa chứng đắc, hoặc đã chứng đắc, vì sức vị lai ái vị tăng thượng, tấn cầu hân lạc mà sinh ái vị. Hoặc đã chứng đắc tính chấp làm thanh tịnh, khả hân, cho đến rộng nói hiện hành ái vị. Nếu từ định ra có thể sinh ái vị. Nếu chánh tại định không có ái vị. Ái vị là ở trong đó sinh khắp tham trước, vẫn sau nói hai thứ, nghĩa là chưa đắc định là có nhiễm ô, đó là mong thượng sinh, sinh ái trước sâu. Chẳng nhiễm ô ái duyên thượng định, đó là mới cầu lìa dục sinh, rộng như quyển 62 giải thích.

Ngã kiến duyên riêng chẳng duyên Địa khác là Tu đạo ngã kiến có hai hành tướng: một là duyên chung được Địa khác, hai là duyên riêng chẳng được.

Kiến đoạn ngã kiến cũng có hai loại: một, kiến là tha ngã thì được; hai, kế chấp là tự nội ngã tức chẳng được. Nay nói chẳng được, tùy nghĩa nên biết.

Hoặc không phân biệt ngã kiến duyên địa khác là Phạm vương đều tức định ngã kiến. Trong trên dưới duyên nhau, Địa dưới duyên Địa trên, hai cõi đều đồng, không có văn ngăn ngại. Trong trên duyên dưới, trong Vô sắc giới không duyên riêng mạn, duyên chung cũng có mạn. Ngoài ra, như trước đều có kiến, giới hai thủ lý nhất định chẳng được, trừ duyên chung hành tướng không có thể riêng.

Tham sân si Câu sinh cùng ba thọ đồng thời, Du-già quyển 55 ghi: “Câu sinh thông tất cả thức thân, là tương ứng với tất cả căn. Phân biệt

đó là luận Du-già nói tham trái duyên với ưu khổ đồng thời, sân gặp cảnh thuận hỷ lạc đồng thời. Nay văn đây thông tất cả, chẳng ngăn ngại Câu sinh phân biệt, cả hai dẫn đều đồng, rộng như luận đó giải thích.

Mạn có hai thứ: một cao cử, hai ty hạ. Cao cử có ba: một là xứng lượng, hai là giải thích liễu, ba là lợi dưỡng. Vì ty hạ mạn cùng ưu tương ứng, cao cử chẳng như vậy, nên chỗ trước nói chẳng cùng Thân thức và một phần A-lại-da đồng thời, đây cùng ưu đồng thời, căn cứ ty hạ nói cũng chẳng trái nhau.

Chánh nghĩa, như địa ngục không có phân biệt phiền não, lẽ ra không có sức nhân đoạn thiện là lúc chết tiếp tục v.v... Giải thích la thế lực chẳng sinh, vì chẳng phải nhân tà kiến. Quyển 59 ghi: “Đối với lợi dưỡng v.v... tha dẫn do dự nghi cùng ưu tương ứng, đối với đường ác v.v... tha dẫn do dự hỷ căn tương ứng, tà kiến trước làm diêu hạnh, ưu căn tương ứng, trước làm ác hạnh, hỷ căn tương ứng, hai thủ tùy cảnh nên bốn thọ đồng thời. Trong quyển 59 chỉ y cứ nghi, tà kiến v.v... ở Dục giới mà nói, đây thông tất cả Địa, nên tương ứng với lạc.

Cần phải được căn bản định phiền não mới khởi, hữu y chưa đến đoạn Dục chín phẩm rồi, chẳng được căn bản mạng chung, người này tại sao hiện hành nhuận sinh? Có giải thích không có điều này, hẳn được mới mạng chung. Như Thức thứ bảy sinh Dự lưu không có mạng chung. Chẳng được ứng quả là tâm được căn bản định mới mạng chung. Có giải thích cũng có như vậy, chỉ vì tùy miên nhuận sinh, như Kiến đế do tùy miên, vì cũng có hiện hành nhuận. Đây lẽ ra cũng như vậy, phục tu chẳng phục kiến, Kiến hoặc đã bất thiện, sao chẳng chiêu cảm đường ác mà sinh cõi trên ư? Nếu do thế lực chẳng hiện hành, sao chẳng gọi là phục? Nay lấy nghĩa giải thích, do thế chẳng hiện hành, chẳng khéo phát nghiệp, giả sử có là nhẹ chẳng phải nặng, chẳng phải quyết định nghiệp, chẳng chiêu cảm Dục giới sinh. Nếu chánh chỗ sáu hành nhàm chán, vì gọi là phục, nếu không như vậy bèn thoái lui, vì phiền não mạnh, định thế lực kém yếu. Vì không có bạn tu, yếu nên chẳng có thể.

Tất cả hữu sự vô sự phiền não chẳng qua ba thứ:

1. Chỗ các kiến duyên vốn là vô sự, ngoài ra là hữu sự. Nhân đây, hành tướng kiến vốn không có quyết định. Ngoài ra, chẳng nhất định như vậy, như Đối Pháp quyển 7 giải thích.

2. Hành tướng mê sâu vô ngã, gọi là duyên vô sự, ngoài ra gọi là hữu sự. Chỗ gọi là hành tướng cảnh sâu, vì ắt hẳn mê vô ngã, ngoài ra hẳn chẳng nhất định. Quyển 59 ghi: “Kiến, mạn gọi là vô sự. Tham, khüế gọi là hữu sự. Vô minh, nghi thông cả hai thứ”. Đối Pháp quyển 5

đồng giải thích như đây.

3. Chỗ Kiến đạo duyên gọi là duyên vô sự, tu gọi là hữu sự, Kiến đạo các hoặc phân biệt mạnh nhanh vì nhiều hoành chấp, Tu đạo ít. Du-già ghi: “Kiến sở đoạn gọi là duyên vô sự, ngoài ra gọi là hữu sự, trừ duyên hiện tại, Vô vi là pháp hữu thể”. Duyên quá khứ, vị lai các thứ gương ảnh v.v... gọi là duyên gọi là duyên vô sự. Ngoài ra các thứ khác, gọi là duyên hữu sự, vì vốn cảnh có. Đối Pháp ghi: “Chẳng phải có sở duyên, đó là tâm điên đảo, tâm sở và duyên quá khứ vị lai v.v... ngoài ra gọi là duyên hữu sự, bản chất hoặc không, gọi là duyên vô sự, ngoài ra hẳn có, gọi là duyên hữu sự”. Quyển 59 ghi: “Duyên vô sự nghĩa là vô sự phiền não, duyên hữu sự nghĩa là hữu sự phiền não”, cùng Duy thức đồng. Nay quán nghĩa đây, môn thứ nhất và thứ hai gồm:

1. Bản thể có gọi là hữu sự.

2. Không có thể dụng trong không có chất ảnh tượng gọi là vô sự, trong ảnh tượng có quyết định chấp gọi là vô sự. Chỉ năm kiến, chẳng nhất định gọi là hữu sự. Si, ái, mạn tuy cũng có chấp, cì chẳng quyết định. Hai chấp gọi là vô sự, hai chẳng chấp gọi là duyên hữu sự, nên kiến, mạn, ái v.v... đây gọi là vô sự. Ngoài ra gọi là hữu sự.

3. Tương thuộc Kiến đạo gọi là vô sự, Tu đạo gọi là hữu sự, tùy các văn trước căn cứ thật có hai môn hữu sự vô sự tức hết. Một là bản chất, ảnh tượng. Hai là bên trong ảnh tượng có thể không thể, như duyên quá khứ, vị lai v.v... gọi là vô sự. Hiện tại pháp hữu thể và Vô vi gọi là duyên hữu sự. Nhưng trong nghĩa lại phân riêng ba thứ:

1. Quyết định, chẳng quyết định.

2. Chấp, chẳng chấp.

3. Tương thuộc kiến, pháp Tu đạo, tức ba lớp trước trong năm lớp.

Như Đại Luận quyển 11, trong năm Cái, nói hai tướng riêng hôn trầm, tùy miên rất rõ ràng.

Trong Tùy phiền não, siểm, cuống, phú v.v... si phần là cũng chẳng phải sân đồng thời, y cứ nhiều tướng thô mà nói, căn cứ thật cũng đồng thời, như sân nên đối cuống tha dẫn siểm, che giấu tội mình là lý cũng nên như vậy, tướng tế ẩn nên luận lược không nói, ngoài ra giải thích như số.

Trong Tùy phiền não, phần v.v... tùy sở y, duyên chung riêng hoặc lực đều thông bốn bộ. Hữu y ít Đế duyên nhiều Đế, hữu y nhiều Đế duyên ít Đế, hữu y nhiều duyên nhiều, hữu y ít duyên ít. Hai hành tướng sau có thể biết, hai trước là Đế hoặc nào? Là từ sở y phán phân

Đế, là từ sở duyên, đều bất định. Do đây nên nói, sở duyên tức sở y, duyên nghĩa là duyên nhờ, chẳng phải cảnh sở duyên, vì cảnh chẳng định. Có nghĩa sở y tức cảnh sở duyên, vì cảnh sở duyên làm sở y nương tựa, y từ sở duyên phán phân Đế, vì y bất định. Có nghĩa y và duyên riêng biệt, như trong số giải thích. Hai câu đầu thế nào? Có giải thích hẳn không có điều này. Có giải thích tùy tăng thuộc Đế, y tăng duyên kém, thân gần dẫn nên thuộc y, duyên tăng y kém thuộc duyên, vì dẫn thừa xa.

Các bản tùy hoặc, bao nhiêu Dị thực sinh, thông oai nghi công xảo? Che giấu tội mình là phú, che giấu kẻ khác là phú là không đúng. Tỳ-kheo ni này che giấu tội thô kẻ khác cũng gọi là phú, Bồ-tát nói tội kẻ khác là tội là phước, ưu não Câu sinh thế lực phục có thể trừ. Thiện và phân biệt phiền não, thế gian lia đục, tâm nào là của ông? Nên ác tâm đều là phú. Trong đây tạm nói tự che giấu, không có ác tâm đều là thiện, nghĩa là tánh chẳng thực hành sức của thế lực.

